

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Mộng Tú

Tiểu sử

Sinh ngày 19.12.1943 tại Hà Đông – Hiện ngụ cư tại Seattle, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Thơ Trần Mộng Tú (tập thơ, 1990), Câu chuyện của lá phong (tập truyện, 1994),
Cô rơm và những truyện ngắn khác (tập truyện, 1999)
Ngọn nến muộn màng (tập thơ, 2005), Mưa Sài Gòn mưa Seattle.



Mục Lục

Phát phơ bay – 2

Tôi đọc vườn măng cụt của Trần Mộng Tú - Trần Doãn Nho - 3

Bình Thủy – 10

Quán trà thịnh lặng – 13

Những cánh mai trong tách trà - 15

Phụ đính:

Chuyện kể - Những người lính cũ - Paris và Metro

Cái nịt ngực - Gặp - Một nửa người đàn ông

Sài Gòn và tuổi thơ tôi - 1954-2014

Lối xưa xe ngựa

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Phát phơ bay

Cô được đưa vào một căn buồng nhỏ, đèn mờ, người đưa cô vào nói:

- Cô bỏ hết quần áo ra, nằm vào trong chăn, úp mặt xuống.

Nói xong, người đó khép cửa lại, bỏ đi ra ngoài. Cô làm theo, bỏ cái áo cuối cùng trên thân, treo lên cái móc ở trên tường, luồn mình dưới hai lớp chăn mỏng, úp mặt xuống cái gối có hình dạng như chiếc bánh *donut*. Cô nhích lên, nhích xuống một chút cho mặt mình vừa khít vào khuôn lõm tròn của gối, rồi nhìn xuống sàn nhà, và thở hắt ra, xuôi dọc hai tay theo thân mình. Chăn trên người cô đủ ấm, nhưng cái cảm giác nằm trong một căn phòng nhỏ, đèn mờ, cửa khép, ở một chỗ hoàn toàn xa lạ khiến tấm chăn khi chạm vào thân thể không có quần áo làm cô khê rùng mình, tưởng như đang sắp rơi vào một cuộc phiêu lưu thể xác rất lạ.

Hai bàn chân cô lạnh ngắt, cô cụp ra cụp vào mấy ngón chân, nghe ngóng cảm giác tràn trường của thân thể mình đưa lên từ móng chân, rồi đến bàn chân, cổ chân. Hai ống chân úp sát vào nệm, nhưng bụng chân lại ngửa lên, tấm chăn ôm sát vào như có bàn tay ai vuốt từ bụng chân, qua đùi, lên đến hông. Cảm giác đó làm cô cong người lên một chút như né tránh. Bàn tay chạy dọc, miết theo hai bên xương sống, vuốt lên, vuốt xuống, rồi ngưng ở hông, hình như ngón cái và ngón trỏ mở ra đặt ngay bên dưới khớp hông của cô, ấn mạnh như nâng cái hông lên cao, rồi lại buông ra. Bàn tay rời hông, chuyển lên cao một chút rồi ấn ở đốt xương cùng. Cô nghe một hơi ấm chạy từ lưng qua phía trước bụng, đụng vào rốn rồi lan xuống tận bên dưới. Bàn tay ngưng lại ở đốt xương cùng, một luồng điện lại chạy ngược lên đến tận đốt xương gáy cô, tỏa sang hai vai, truyền qua cánh tay, xuống đến bàn tay, những ngón tay cô cuống quýt cong lại, chúng không biết nắm vào đâu. Cả thân thể cô phùng lên như thắp đuốc, hơi thở cô bỗng trở nên dồn dập, mồ hôi rịn ra hai bên thái dương, thân thể đang nằm sắp của cô cong lên, hai đầu gối của cô chống xuống nệm, cô cong như cái cung, không bắt kịp hơi thở của mình nữa.

Rồi cô nghe có tiếng thở rất nhẹ bên tai mình, tiếng thở như dất tiếng thở của cô đi theo, cô thở ra một hơi thật dài, rồi từ từ hạ xuống. Cả người cô mềm ra như một giải lụa, một giải lụa phát phơ bay.

Tấm chăn trên người cô như bàn tay của một nhà ảo thuật lại ôm sát cô và lật cô ngửa lên, cô thở nhẹ theo từng nếp gấp nhấp nhô của chăn, trí óc cô bỗng bơi ra biển, rồi cả thân thể cô bơi ra biển, những đợt sóng nhấp nhô từ cầm lan xuống cổ chạy ngang sang hai vai, rồi lại chạy vào, sóng bỗng đổ xô lại vỗ về chung quanh hai vú cô, cô không cưỡng nổi, đầu vú cô nóng lên như hai đốm nhang. Mỗi lần sóng vào, cô nghe được cả tiếng vỡ oà của sóng khi rút ra. Cô cong mình lại như một con tôm bị nhúng vào nước nóng, vừa cong vừa đỏ rục. Những nếp chăn lại vuốt cô ra, kéo cô nằm thẳng lại. Chăn như mọc ra những ngón tay trên thân thể cô, xoa xoa vùng bụng cô, để thật lâu trên rốn cô, cô thở từng hơi thở nhẹ, cố nương theo những ngón tay. Nhưng thân thể cô mãi cảm quá, xương sườn hai bên như muốn chuồi ra ngoài da cô, bảo mấy ngón tay đó tạm ngưng ve vuốt, nó bắt không kịp nữa. Nhưng mấy ngón tay vô hình đó không nghe, nó cứ ôm, cứ thả, khi mạnh, khi nhẹ, trườn trên mình cô từ cổ xuống tới ngón chân. Nó đem theo lửa, nước, hoa trái, âm nhạc, ngũ ngôn, lục bát. Có lúc nó làm cô chơi vơi, chao đảo, một chút thốn đau, cái đau rất lạ. Có lúc nó cho cô êm ả, thư thái, bình an. Cô không làm chủ được mình nữa. Cô bình bằng trời, cứ sống trước đờn sóng sau mang cô đi, đi đâu? Chắc là xa lắm!

Bây giờ thì bàn tay hình như đang đứng ở dưới chân giường, vuốt ngược từ bàn chân cô lên, qua ống chân, ngưng lại ở đầu gối, hai cái đầu gối cuống quít không biết chạy đi đâu khi những ngón tay bấm chung quanh nó. Rồi cả hai bàn tay một lúc, đặt vào phía trong đùi cô, cọ sát mạnh vào đùi, chỗ da thịt mềm mại nhạy cảm nhất trên thân thể, chỗ gửi tín hiệu cho thân thể ngay lập tức khi bị nóng hơn một chút, hay lạnh hơn một chút. Cô muốn khép chặt hai đùi lại mà không nhấc chân lên được, bàn tay đó ngưng lại một chút, và nghỉ ngơi ngay trong đùi cô. Cô buông mặc, cô thờ, cô thờ nhẹ.

Hình như cô và bàn tay cùng ngủ một giấc dài, giấc ngủ sau khi thân thể được hạnh phúc.

Khi cô mơ màng giữa thức và ngủ, thì những nếp chần lại bắt đầu chuyển động, tấm chăn như cái hoa trước gió, làm từng cánh nhẹ nhàng rơi xuống. Bây giờ cô không thấy như những ngón tay nữa mà chỉ thấy một cơn gió nhẹ, cơn gió đang rời đùi cô, thổi hồn nhiên trên vùng bụng cô, đi qua vùng xương chậu, gió len vào tận dạ con, để lại cho cô những mầm sống. Gió đi trên thân thể cô như gió đang dạo trên một thảo nguyên. Cứ thế gió thông thả đi ra, đi vào, đi lên đi xuống trên thân thể cô. Cô nhắm mắt lại, thờ nhẹ, nghe gió rắc hạnh phúc vào thân thể mình.

Bây giờ hai bàn tay lại trở về, mười ngón tay như mười tên phù thủy tí hon, chúng luồn vào trong gáy cô, vuốt ngược lên đỉnh đầu, kéo từng nắm chân tóc, vòng ra trán, ấn mạnh cuối chân mày, kéo ra phía sau mang tai. Cô rụt cổ lại, rùng mình. Những ngón tay đang bắt đầu tấn công vào một vùng nhạy cảm khác. Cả người cô lại bắt đầu râm ran như có kiến bò. Cô lấy lại hơi thở dài, và thở hát ra một tiếng.

- Xong rồi.

Người đàn bà Đại Hàn vừa nói vừa vỗ nhẹ lên trán cô như đánh thức cô dậy.

- Bây giờ thì cô có thể ra ngồi ngâm mình trong Hot Spa.

Cô mở choàng mắt ra, thấy cơ thể mình thật là *đã* sau một màn tắm quất, xương cốt như được hồi sinh lại.

Tôi đọc vườn măng cụt của Trần Mộng Tú Trần Doãn Nho



Trần Mộng Tú là nhà thơ. Ta quen gọi như thế và dường như chị cũng thích gọi như thế. Thực ra, Trần Mộng Tú còn viết văn, không chỉ thỉnh thoảng viết cho vui, mà viết nhiều. Đặc điểm của Trần Mộng Tú: viết văn mà vẫn "hoài thơ". Thành thử văn của chị khi nào cũng lấm tẩm thơ. Thay vì gọi Trần Mộng Tú là nhà thơ/nhà văn, hãy gọi Trần Mộng Tú là nhà thơ viết văn. Có lẽ Trần Mộng Tú là một trong số những cây bút viết nhiều ở hải ngoại. Những ai yêu văn chương thường được đọc những bài thơ rất mực trữ tình và những truyện ngắn và tản mạn của chị, xuất hiện đâu đó khá đều đặn, trên nhiều tạp chí văn học hải ngoại, giấy cũng như mạng. Chẳng thế mà ba năm sau "Mưa Sài Gòn Mưa Seattle" (tạp bút, Văn Mới xuất bản năm 2006), Trần Mộng Tú cho ra đời một lúc hai tác phẩm: Một tập thơ tuyển lựa từ hàng trăm bài thơ chị sáng tác trong bốn mươi năm qua và một tập truyện ngắn và tản văn là *Vườn măng cụt*.

Tác phẩm văn xuôi do nhà xuất bản Văn Mới ấn hành tháng 8/2009 này gồm có ba phần:

- Truyện ngắn
- Tản mạn/tùy bút và ký
- Truyện thật ngắn.

Bài viết này đi lần lượt từng phần, ngược từ cuối lên.

Phần ba

"Truyện thật ngắn", hay truyện "Chớp" (theo cách dịch từ tiếng Anh "flash fiction" của tạp chí mạng Da Màu), một thể loại khá mới mẻ chỉ mới xuất hiện trong vòng hơn một thập niên trở lại ở hải ngoại, là những mẩu truyện có độ dài dưới 1500 từ (*), thường xuất hiện là trên hai tạp chí mạng Tiền Vệ và Da Màu. Do độ dài có giới hạn nên truyện thật ngắn chứa đựng nhiều ẩn dụ, do đó, gần gũi với thơ. Và gần gũi với Trần Mộng Tú. Trong *Vườn măng cụt*, có 16 truyện thật ngắn. Truyện nào cũng lửng lững lơ lơ, thiệt thiệt giá giá. Đọc xong, ta cảm nhận một điều gì đó, nhưng chỉ là những cảm nhận lơ mơ, không biết rõ là cái gì. Có truyện là vài nét chấm phá về cuộc sống. Có truyện như liêu trai. Có truyện như một dụ ngôn (parable). Có truyện lại ỡm ờ y như chẳng chứa đựng một điều gì đáng kể. Thử đọc qua một truyện khá ngắn trong 16 truyện: "Con gấu". Nguyên cả truyện như sau:

Con gấu của tôi cũ lắm rồi, tôi không nhớ mình có nó từ năm nào. Tôi đi ngủ với nó hàng đêm như một thói quen. Tôi ôm nó vào lòng khi nằm nghiêng, lót nó xuống một bên đùi khi nằm thẳng. Nó nhỏ thôi, nhưng sao vững chãi thế. Chắc chỉ là một thói quen tin cậy, không có nó thì chông chênh như nằm trên thuyền, khó ngủ lắm. Ôm nó như ôm giấc ngủ, như ôm cơn mơ, như ôm bài thơ của mình. Cả tôi và nó cùng cũ kỹ lắm rồi.

Một hôm, người đàn ông đó ghé qua thành phố, chỉ kịp uống chung một tuần trà, rồi đi.

Con gấu của tôi bắt đầu trở chứng, nó vờn vai thành người đàn ông, hai mắt nó biết nhìn tôi trong giấc ngủ, hai tai nó biết nghe thơ. Tôi đọc cho nó nghe những câu thơ mới. Những câu thơ lơ mơ về tình yêu.

Nó không cũ nữa và tôi bỗng mới.

Ý nghĩa của một truyện như thế này nằm ở đâu? Về thơ, về tình yêu, về sự đổi thay? Hay không ở đâu cả! Theo tôi, có lẽ cái ý vị của nó nằm ở chỗ "không ở đâu cả" này. Vả, "không đâu" với "có đâu" đôi khi chỉ là một cái "chớp"!

Một truyện khác, dài hơn, "Mua cá". Một người đàn ông dẫn một cô gái vào chợ mua cá. Sau khi đi hết từ hàng cá này đến hàng cá khác, chợ này đến chợ khác, hẳn mới chọn được một con vừa ý. Về nhà, hẳn bắt cô gái nấu cho hẳn ăn. "Cô gái ngồi nhìn Hấn ăn con cá như nhìn xuống chính thân phận mình trong mấy ngày hôm nay. Hấn gặm mút không bỏ quên một phần thịt nào sót lại trên thân cá." Ăn xong, hẳn bảo cô gái gọt xương cá lại và hôm sau dẫn cô ra hàng cá chê cá không ngon, trả lại bộ xương, đòi tiền lại. Người bán cá không chịu, đuổi hẳn đi. Sau đây là đoạn kết câu chuyện:

Hấn mang cô gái ra bến xe, mua vé, trả cô về nguyên quán Việt Nam với mấy chữ: "Cá không ngon, thịt ít. Đổi con khác!"

Tháng sau, một chuyến xe từ Việt Nam đến, thả xuống một cô gái khác.

Hắn đón về.

Thử nữa!

Cách viết khô, ngắn, dửng dưng. Nhưng đầy dụng ý. Truyện là một ẩn dụ. Lại là một ẩn dụ đầy hiện thực. Nó gợi lên hình ảnh phổ phàng của một hiện tượng xã hội phổ biến ở Việt Nam hiện nay: những cô gái nghèo Việt Nam trở thành những món hàng bị bán ra nước ngoài để làm nô lệ tình dục.

Phần hai

Tản văn, gồm những bài bút ký, tản mạn và tùy bút; nhiều bài là tổng hợp cả ba loại. Một số bút ký ghi lại mấy chuyến đi về Việt Nam. Cảm động nhất là "Những người lính cũ", ghi lại cuộc gặp gỡ giữa tác giả với một số thương binh VNCH hiện đang sống một cách vô vọng dưới chế độ Cộng Sản ở Việt Nam. Một số bài khác mang tính cách tiểu luận. Trần Mộng Tú bàn về thời gian, về người mẹ, về bức tường, về những giọt lệ, về người đưa thư, về tuổi già, vân vân... Dưới dạng nào, Trần Mộng Tú cũng viết với giọng văn đầm thắm, nhẹ nhàng. Nghe như những lời tâm sự, hơn là lý sự. Và một điều không thể thiếu: phảng phất thơ. Hãy đọc một đoạn Trần Mộng Tú "luận" về bức tường:

Bức tường ngăn cách ta với nhà hàng xóm, ta vẫn thân yêu gọi là "sát vách" đó, đôi khi nó phải nghe hết những bất bình của cả hai phía. Bức tường vô hình được dựng lên giữa vợ chồng, giữa cha mẹ với con cái, các cháu với ông bà làm cho chúng ta ngộp thở ngay trong một căn buồng cửa mở. Phần nhiều những bức tường có đôi tai rất thính, nó có thể mang sự bí mật của ta sang tận một nước khác, ta nên cẩn thận khi nói thắm.

Một tản mạn khác, "Giọt lệ giấu đi". Sau khi nói về nỗi đau khổ của những người "bị" (hay "được") giấu đi tin tức về cái chết của người thân với mục đích tránh cho người đó khỏi đau khổ, Trần Mộng Tú quả quyết:

Con người đủ khả năng đương đầu với đau khổ, biết rõ nỗi đau của mình, hơn là sống trong một đám sương mù. Quyền được đau đớn cũng ngang với quyền được sung sướng. (Giọt lệ giấu đi)

Nhà thơ muốn lập thuyết, một lý thuyết về tình cảm chẳng? Chắc là không. Có lẽ chị chỉ muốn nhấn mạnh một kinh nghiệm sâu sắc của bản thân về nỗi đau mà chị đã từng trải nghiệm.

Riêng tôi, tôi suy đi gẫm lại cái ý lạ: Đau đớn, hóa ra, đâu chỉ là một trạng thái tâm lý, mà còn là một cái "quyền"!

Cũng đề cập đến giọt lệ, nhưng ở một tình huống khác, đó là giọt lệ của chính bà mẹ Trần Mộng Tú khi đưa con gái duy nhất sắp đi lấy chồng: "Thư cho con gái ngày đính hôn". Đây là một tùy bút, được viết dưới dạng một lá thư. Bà mẹ tân thời này cũng lạ! Mới nghe tin bạn trai của con mình sẽ ngỏ lời cầu hôn, thay vì vui mừng vì con mình không bị "ế", có đôi có lứa, thì ở đây, mẹ Tú "buông điện thoại xuống mà nước mắt trào ra." Không chỉ khóc một lần rồi thôi, mà khóc rất nhiều lần. "Mấy tháng nay sắm sửa khăn áo cho con. Đi chọn áo cô dâu với con. Đi mua trà, mua bánh, mua rượu. Mỗi lần đi về mẹ lại khóc." Tại sao lại khóc? Mẹ Tú trả lời: *Đối với các bà mẹ, con gái mình là chuỗi ngọc trai, là chiếc vòng cẩm thạch, là hoa mẫu đơn, là ly nước suối, là miếng bánh thơm tho. Con gái bà là tất cả phần gia bảo mình có. Bây giờ bà đứng nhìn cái phần gia bảo đó đang chuyển sang nhà người khác. Làm sao mà ngăn được nước mắt ứa ra!*

Ra thế! Khóc thì khóc, nhưng tôi đoán là mẹ Tú không khỏi mừng thắm. Ngày đính hôn, người mẹ Tú tặng cho con gái một món quà, mà theo tôi, là trên-cả-lạ-lùng:

Mẹ mua tặng con hộp kim chỉ, mẹ biết bây giờ không còn ai may cắt quần áo ở nhà. Tất cả đều mặc quần áo may sẵn. Mẹ chỉ muốn gửi gắm tặng con lời dặn dò trong món quà đó: "Với tình yêu và sự kiên nhẫn ai cũng có thể vá được những miếng rách nhỏ, khâu lại những cái khuy bị đứt, có thể có, trong đời sống vợ chồng."

Thì ra, món quà là thật mà cái dụng của nó lại hoàn toàn hư cấu. Nghĩa là: mang cái thật để vá cái ảo. Bản thân tôi, một người cha, cũng đã từng tiễn con gái đầu lòng đi lấy chồng với một trái tim trần trở, không làm sao có thể nghĩ ra một món quà độc đáo dường ấy. Chỉ có điều, đọc xong lá thư, tôi tự hỏi: chẳng biết bà mẹ Tú đã đích thân ra chợ mua cái món quà có thật đó về/ hay chế tạo món quà, cũng có thật đó, bằng một... bài thơ!?

Phần một

Với tôi, là phần thú nhất. Chẳng là vì tôi thích đọc truyện ngắn. Tôi gọi mỗi truyện ngắn trong *Vườn măng cụt* là một "tiểu phẩm". Vừa về độ dài mà cũng vừa về tính cách. Truyện dài nhất chưa đến 10 trang, còn những truyện khác chỉ chừng 6,7 trang, có truyện chưa tới 5 trang. Tính cách Trần Mộng Tú: ngắn, gọn, vừa đủ. Thành thử, đôi khi, tôi hào hứng đang muốn đọc thêm thì truyện đã chấm dứt.

Về mặt bút pháp, Trần Mộng Tú của *Vườn măng cụt* cũng là Trần Mộng Tú ngày nào. Tuy nhiên, trong một vài truyện, chị có vẻ lưu tâm đến vấn đề dựng truyện, hay nói cho có vẻ chuyên môn, là kỹ thuật viết. Tuy nhiên, chị không "sáng tạo" một kỹ thuật nào tân kỳ, nghĩa là không có ý sử dụng kỹ thuật như là một hình thức sáng tạo. Tùy theo nội dung của câu chuyện, Trần Mộng Tú sử dụng một cách kể chuyện phù hợp. Và cách kể nào cũng quen thuộc, người đọc nào cũng dễ dàng tiếp cận. Trần Mộng Tú muốn truyền đạt trực tiếp đến người đọc những cảm nhận của mình về cuộc sống, chứ không tìm cách đánh đố, biểu diễn. "Chuyện kể" là một câu chuyện tình vô cùng cảm động, sáng tác nhân ngày 30 tháng 4, được viết theo lối, tạm gọi là, "hiện thực huyền ảo". Nó tạo ra một khung cảnh nửa thực nửa hư, khá đặc biệt. Lại phẳng phất không khí liêu trai. Một người đàn bà có chồng ở Mỹ, về Việt Nam, đi chơi với người chồng cũ. Hai người bồi hồi ôn lại những kỷ niệm ngày xưa, thời anh còn trong quân ngũ. Người đàn bà "bắt cá hai tay"? Vừa có/vừa không. Diễn biến và các chi tiết được Trần Mộng Tú sắp xếp một cách tinh tế khiến câu chuyện trở nên thấm thía khác thường. Đọc xong truyện này, tôi phải thừa nhận cách dựng truyện đã đóng góp một phần rất quan trọng cho chính nội dung câu chuyện. Nó tạo nhiều cảm xúc. "Đứa con" cũng có một cách dựng truyện tương tự, hiện thực huyền ảo. Truyện kể về một người đàn bà Trung Quốc chuyên hành nghề giết những đứa bé gái sơ sinh, hậu quả của chính sách "Mỗi gia đình chỉ có một đứa con" của nhà cầm quyền Cộng Sản muốn giảm dân số. Một truyện khác, "Lá thư", nội dung chính chỉ là ba lá thư chữ nghĩa lộn xộn, vô số lỗi chính tả và tràn đầy trái tim, từ Việt Nam gửi sang Mỹ mà lộn địa chỉ. Trong lúc đó, "Truyện tình" là một chuyện ngoại tình khá đặc biệt được diễn tả bằng một bút pháp hiện thực, táo bạo với nhiều chi tiết lý thú. Có lẽ truyện này, cùng với một bút ký khác trong phần tản văn, "Phát phơ bay", cho ta một Trần Mộng Tú khác với Trần Mộng Tú như ta thường biết trước đây.

Nói chung, nội dung các truyện thường đơn giản. Nhân vật cũng đơn giản. Trần Mộng Tú không muốn dài dòng. Cũng như thơ, chị muốn thu tóm ý nghĩa của câu chuyện vào những câu văn mềm mại và nhiều hình ảnh. Có truyện chỉ là một mẩu chuyện, đôi khi diễn ra như một hoạt cảnh.

Chẳng hạn: "Một nửa người đàn ông". Truyện mô tả cuộc gặp gỡ giữa một người vợ và người tình của chồng. Hai người nói chuyện với nhau, không hẳn như hai người bạn, nhưng không gay gắt lắm. Không cãi vã, không đay nghiến, không dọa dẫm, không khóc lóc. Nói chuyện xong, hai người chia tay. Và...hết! Nhân vật thì vậy, tình huống là vậy, thế mà dường như chẳng có chuyện gì. Không có gì vui, tất nhiên. Nhưng truyện để lại một "thông điệp" khác thường. "Người tình" nói với "người vợ":

Chắc bà cho tôi là một người mất thăng bằng. Hay có thể là bà cho tôi đang tìm cách lừa bà, để một ngày nào đó tôi sẽ chiếm đoạt nguyên cả anh Minh. Không, không bao giờ tôi cần nguyên một người đàn ông cả, tôi chỉ cần một nửa thôi. Có nhiều người phải uống nguyên một

ly trà mới thấy vị ngon, phải ăn nguyên một trái táo mới hài lòng, phải đến được chân núi, hay trèo lên đỉnh núi để thưởng thức thì mới mãn nguyện, sông thì phải đi hết dòng mới thỏa chí, phải được lấy nguyên một ông chồng và được gọi là vợ thì mới cho là sung sướng. Tôi thì trà uống một ngụm, táo cắn một miếng, núi nhìn một góc, sông yêu một khúc, đàn ông hưởng một nửa. Suốt đời chỉ là người tình thì cũng đã thấy mình dư thừa hạnh phúc. Bà cứ an lòng ra về. Trần Mộng Tú cho ta một ý niệm rất mới (nghe khá lạ lùng mà cũng... hữu lý!) về tình yêu và về đàn ông, đàn bà. Hay nói chung, về sự thụ hưởng trong đời sống. Hãy tạm gọi là *triết lý một nửa*. Đại loại như "thuốc ngon nửa điều", theo kinh nghiệm của những vị nghiên thuốc lá. Đúng hơn là *triết lý một phần*. Chị bảo: *trà một ngụm, táo một miếng, núi một góc, sông một khúc*. Chỉ có đàn ông thì mới một nửa! Có lẽ, theo Trần Mộng Tú thì, một ngụm, một miếng hay một góc, một khúc hay một nửa thì cũng tựa tựa như nhau. Ở chỗ nó không là toàn thể, không *nguyên*. Cái thú thưởng thức thực phẩm trần gian, như thế, nên thiêu thiếu. Đừng đủ. Chỉ có cái thiếu mới tạo nên cái thừa. Ngộ ghê!

Chẳng hạn: "Vườn măng cụt", truyện được chọn làm tựa đề cho nguyên cả tác phẩm. Hai người bạn già (già lắm, đến "bát thập" lận!), một bà cụ (góa chồng) và một ông cụ (góa vợ) ngồi ăn cơm với nhau và kể lại chuyện xưa, thời còn trẻ mô xuân thời. Bà cụ kể cho ông cụ nghe (với nhiều chi tiết sống động) lúc ông hôn bà trong vườn măng cụt.

Bà Lâm nheo cặp mắt đã có thật nhiều vết nhăn kéo dài ra đến thái dương nhìn ông, từ tốn nói:

- Tôi để cho ông hôn tôi, nhưng tôi từ chối tình yêu của ông, vì lúc đó anh Lâm đã ngỏ lời cầu hôn trước ông. Chắc ông còn nhớ, hôm đó tôi mặc chiếc áo dài có những bông hoa màu tím đỏ. Ông bảo màu hoa trên áo đẹp giống màu vỏ măng cụt, rồi ông bửa một trái măng ra chia cho tôi ăn một nửa, màu vỏ tím hồng nhuộm mấy ngón tay ông, ông quệt lên má tôi, nói: "Em không cần thoa má hồng nữa, anh thoa cho em rồi"

Chi tiết đến thế này thì chuyện chắc phải có thật, mình không nhớ ra được thì ngày mai mình nên làm cái hẹn gặp bác sĩ. Tuổi tám mươi chắc bước vào tuổi mất trí nhớ rồi! Cả một dĩ vãng lãng mạn nên thơ như vậy, người đàn bà nhớ được, mình lại quên bẵng như đầu óc được nhúng vào một dung dịch hóa chất thì tệ thật. Ông không chối nữa, ông nhìn người đàn bà trước mặt, nhìn hai con mắt, mí đã sụp xuống nhưng tròng đen vẫn lóng lánh pha một chút tinh nghịch. Ông hạ mắt nhìn xuống cặp môi, cặp môi đều đặn, hơi cong, thoa một lớp son mỏng màu hồng. Ông cố hình dung ra cặp môi thời còn trẻ của bà, cặp môi chắc tươi như bông hoa mận, cặp môi theo như bà nhớ, ông đã cúi xuống hôn trong vườn măng cụt (Chắc là vội vàng lắm, vì hôn trộm người yêu của bạn mình)

Bà cụ thì nhớ rất rõ còn ông cụ thì chẳng nhớ một chút gì. Ông cụ về nhà, lòng quá đổi hoang mang.

Tối hôm đó, ông Thành trần trọc trên giường, không sao ngủ được. Ông cứ nhớ mãi câu nói của cháu Lan. "Mẹ con vẽ ra một câu chuyện, mẹ con tin là đã xảy ra trong đời mình."

Ông băng khuâng: 'Liên mất trí thật, hay Liên yêu mình từ trẻ mà mình không biết?'

"Vườn măng cụt", theo tôi, là dạng "tiểu phẩm" khá điển hình của Trần Mộng Tú. Bối cục gọn gàng, tình tiết đơn sơ nhưng sống động, và câu kết luận nghe nao nao lòng. Đơn giản thì đơn giản thật, nhưng nó cho ta những rung động tinh tế về tình trai gái. Đọc truyện mà như đọc một bài thơ tình...dang dở!

Mặt khác, truyện nào cũng khá "đời thường", nghĩa là không có tình tiết nào ly kỳ, không có diễn biến nào bất ngờ. Và dường như chẳng có chứa đựng một lý giải triết lý gì lớn lao nào. Nhưng cái lạ là, chúng lại gọi cho ta những ý nghĩa lớn, mở ra những cánh cửa lớn. Trần Mộng Tú, khác với nhiều nhà văn khác, mở cửa rất nhẹ, đôi khi khá khẽ khàng (và dường như chẳng có dụng ý) cho người đọc tự mình tìm thấy cái mình cho là lớn. Và nếu không tìm thấy cái gì lớn, thì cũng...không quan trọng gì đối với Trần Mộng Tú. Tôi đoán thế.

Trong truyện "Puzzle", Trần Mộng Tú mô tả một người đàn bà với hầu như toàn là khuyết điểm: xấu, cục mịch, quê mùa, bắt cặp hết người đàn ông này đến người khác, nên con đông

mà là con năm cha bảy mẹ. Có lẽ vì thế mà nhân vật được gọi là "mẹ". *"Số mẹ long đong nên chồng sống, chồng chết đều có cả. Ba chục năm trước, mẹ mới bốn mươi, sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, tháo vát, có chút nhan sắc. Giải phóng về, mẹ cũng chạy đôn chạy đáo, làm đủ mọi việc kể cả việc thỉnh thoảng phải bán thân để nuôi được đàn con bấy đứa."* Mẹ không từ nan bất cứ "nghề" gì. Mẹ như *"một con kiến thợ tha bất cứ cái gì về tổ cho sự sống còn của cả nhà."* Nghe người ta đi H.O, mẹ *"lại chạy đôn chạy đáo vừa mua bằng tiền vừa dụ bằng xác một ông đi tù về còn độc thân, tưởng là bắt được rồi, nhưng thấy gánh con của mẹ đồng quá, ông ta sợ nhỡ sang Mỹ rồi mẹ không buông ông ta ra thì chết toi, chả đại. Thế là mẹ lại hựt. May cho mẹ, khi diện các con lai được đi thì mẹ đã có ngay trong nhà một đứa để làm vốn rồi. Cái quá khứ những nhit của mẹ trước kia, hóa ra được việc. Chẳng ai biết đứa trẻ đó là con mẹ giấu giếm ở đâu hay mẹ mới đi mua về."*

Tác giả ví cuộc đời của nhân vật "mẹ" này như những mảnh trong trò chơi "puzzle", mảnh này mảnh kia lung tung y như chẳng dính dáng gì đến nhau. Nhưng: *"Tôi ráp nhưng mẩu chuyện đó vào nhau, như ghép hình puzzle, nhìn theo cái lưng vẹo của bà khuất sau cánh cửa, tôi ráp được một tấm hình: "Người Mẹ"*.

Hình ảnh một người mẹ như thế có gì trái cựa không? Quả là trái cựa. Tác giả rõ ràng đã dựng nên một bà mẹ khác với hình ảnh (và cả khái niệm) quen thuộc của chúng ta về người mẹ: mẹ hiền. Sao lại Mẹ/Hiền? Vì *"Mẹ già như chuối bà hương/Như xôi nếp một như đường mía lau"* trong ca dao hay *"Mẹ là giòng suối ngọt ngào, là nải chuối buồng cau..."* trong bài hát nổi tiếng của thiền sư Thích Nhất Hạnh. Có nghĩa là mẹ thì phải chính chuyên, thờ chồng nuôi con, mẹ thì phải hiền thực, thì phải tần tảo, thì phải chịu đựng. Người mẹ của "Puzzle" thì cũng là mẹ đó mà đồng thời lại mang nhiều nét rất *"phản-mẹ"*. Phản mẹ mà lại rất mẹ! Mẹ chẳng "hiền" tí nào, nhưng ai dám bảo đó không là "người mẹ"?

Truyện dài nhất trong *Vườn măng cụt* là "Truyện tình". Nó dài nhất nó sống động nhất nó bạo nhất, *hot* nhất và, một thói quen không sửa được của tác giả, vẫn nhiễm chất thơ. Cô gái ấy có một anh chồng mù (vì sao cô lấy một anh chồng mù thì tác giả không nói đến). Anh chồng mù "thường thức" về đẹp của vợ mình không phải bằng mắt (dĩ nhiên), mà bằng...tay.

Mặc dầu anh không cần nhìn bằng mắt, nhưng chị theo thói quen bao giờ cũng đưa tận tay chồng những gì chị muốn. Anh ngắm nghía thân thể vợ bằng bàn tay khéo léo của mình. Anh đang chọn những phần ngon trên thân thể vợ như anh đang chọn trái cây trong siêu thị. Vỏ mỏng của trái cà vừa chín tới thật là tươi mát, mùi hăng hăng của củ hành mới hái thật là quyến rũ. Đặt tay trên lưng chị, có khác nào đặt tay trên một lá rau cải vừa được tưới nước. Cái mũi có đầu nhòn nhọn vừa phải như một trái ớt Mễ thật khiêu gợi, anh hôn môi vợ mà tưởng đang ăn trái anh đào tháng tám. Cặp núm vú nhỏ xíu của chị, anh đoán khi được âu yếm nó sẽ đỏ rục lên như màu đỏ của trái thanh lương trà .

Một lối diễn tả thật khác lạ và thú vị! *Erotic* mà vẫn hồn nhiên.

Cô yêu chồng, nhưng cô thất vọng vì muốn về đẹp của mình phải được thưởng thức bằng... mắt. Chính cái này mới sinh chuyện. Cô tự nguyện hiến dâng cho một người đàn ông hung dữ mang trọng án vì tội giết vợ đang ở trong nhà tù, nơi cô làm y tá chuyên chăm sóc sức khỏe cho tù nhân:

Hai con mắt đó nó không còn hung hãn nữa mà nó trong suốt như hai mảnh gương cho cô nhìn thấy phản chiếu tất cả về đẹp của mình, cái về đẹp rục rờ thanh xuân ở tuổi ba mươi mà mấy năm nay chỉ được chồng cô nhìn bằng tay trong bóng tối. Cái ánh sáng lấp lánh của hai mảnh gương đó như những lưỡi thủy tinh sắc cắt thân thể cô ra làm nhiều mảnh, rồi cũng lại cái ánh sáng đó dịu xuống, mềm mại như một giải băng âu yếm quán thân thể cô liền vào với nhau như cuộn một vết thương, làm cho cô ngây ngất như người vừa được chích một mũi thuốc gây mê. Ốc cô lằng lằng, trái tim cô nôn nao, cồn ngực cô bồng bênh như những mảng bông trắng nõn đang bay lượn trong phòng. Hấn chiêm ngưỡng thân thể cô mà không vô vập, níu kéo. Hấn đi chung quanh chiếc giường, bắt đầu bằng những bước từ từ, rồi nhanh dần, nhanh dần giống như cái bóng trong chiếc đèn kéo quân làm cô chóng mặt.

Nóng. Mà vẫn tràn đầy nữ tính.

Nếu độc giả xao động vì một "truyện tình" nóng bỏng như thế thì cái tâm cũng sẽ tĩnh lại nếu đọc một câu chuyện khác. Câu chuyện này mang, nói theo thuật ngữ Phật Giáo, *thiền tính*: "Đồng vọng". Chuyện kể về một ngôi chùa ở nơi tiểu bang mà tác giả hiện đang sinh sống. *"Gọi là chùa nhưng thực ra chỉ là một căn nhà cũ trong một khu đất rộng."* Trong lúc chờ đợi *"một ngôi chùa mới, lớn hơn"* như dự tính của vị sư trụ trì, thì chùa chưa có gì ngoài một quả chuông khá lớn treo ở bên ngoài. Một hôm, quả chuông bị kẻ gian lấy mất.

Ngày hôm đó và rất nhiều ngày sau đó, rất nhiều tháng sau đó, mỗi tinh mơ sư vẫn nghe thấy tiếng chuông rung trong đầu, rung rất rõ rệt, tiếng kêu boong boong ròn rã, rồi cái âm kéo dài ra rung cả lồng ngực sư, sư uống từng ngụm chuông, nằm im nghe ngóng, cho tiếng chuông thấm khắp thân thể mình, tiếng chuông thấm cả vào vạt áo sư.

Từ đó, tiếng chuông trở thành một "đồng vọng" thân thiết, như một người bạn *"giấu mặt cùng tu tập với sư"*. Thế rồi, có tín hữu mang đến tặng một quả chuông khác. Cho rằng chuông nào cũng như chuông nào, nhà sư tưởng là tiếng "đồng vọng" sẽ biến mất khi chùa đã có chuông mới. Nhưng không. Tiếng chuông mới, *"cái âm rung không kéo dài ra, không thấm vào sư, không đi theo sư nguyên ngày, làm rung cả vạt áo sư"* như tiếng của chuông đã bị lấy mất. Nhà sư cảm nhận như thế, nhưng không biết tại sao. Một buổi sáng khi đi ra vườn, đang *"loay hoay với những xếp đặt trong đầu, nhà sư bỗng nghe thấy những tiếng động nhỏ nhưng rất rõ rệt ngay dưới chân mình, nhìn xuống thì hóa ra một chú sóc nhỏ đang tha một trái thông, trái thông khá to so với vóc của chú sóc, chú tha trái thông đi băng băng qua mấy hòn đá, qua mấy cái rễ cây trôi trên mặt đất rất nhanh nhẹn, nhưng khi kéo quả thông đi, mắt hút vào một bụi cây rồi, chú vẫn để lại những tiếng động rất mơ hồ của quả thông trong không gian. Tiếng động nhỏ nhưng kéo dài âm hưởng."*

Thật là bất ngờ! Chú sóc nhỏ và trái thông đã làm nhà sư *"ngộ ra tiếng chuông mơ hồ trong không gian của quả chuông đã mất mà bấy lâu nay vẫn vang trong đầu mình. Kẻ trộm chỉ mang được quả chuông đó đi nhưng tiếng chuông thì phải để lại. Cái xe cần trục chở được quả chuông nặng nề kia nhưng không chở được tiếng chuông nhẹ hẫng. Nhà sư gật gù bằng lòng với bài học mình học được sáng nay từ chú sóc nhỏ."*

"Đồng vọng" ngắn, gọn, lời văn nhẹ nhàng, lan man như một tùy bút. Viết về nhà chùa, không "đạo vị" mà nhiều "thiền vị". Điều thú vị là tác giả không phải là một Phật tử mà là một tín đồ Thiên Chúa giáo thuần thành.

Mỗi lần đọc xong một truyện của Trần Mộng Tú, tôi đều có cảm giác lơ mơ. Cay cay. Đắng đắng. Chua chua. Bùi bùi. Ngọt ngọt. Cái gì cũng một chút. Chút này lẫn vào chút kia. Tựa như ta ném một trái cây lạ mọc hoang trong góc vườn. Nhẹ và thấm thía, sau đó.

Mời mọi người thử ném một chút. Không chỉ trái măng cụt, trong vườn. Mà cả trái măng cụt, ngoài vườn. Và còn nhiều thứ trái khác. Trong rừng. Dưới suối. Ngoài khơi. Và có thể là một thứ trái lạ ẩn dấu đâu đó bên dưới trái tim mỗi người.

(8/2009)

Ghi chú: (*) Con số này không có gì dứt khoát. Người thì cho là dưới 2000 từ, người thì cho là dưới 1000 từ. Truyện ngắn nhất trong thể loại này được biết chỉ có 2 từ. Ở đây, tôi chỉ tạm thời đưa ra một khái niệm chung chung về truyện thật ngắn.

Bình Thủy

Buổi tối của một ngày đầu tháng 8 năm 1969, khi tôi đang ngồi xem những tấm ảnh màu đám cưới gửi từ Mỹ về, sắp xếp để làm một cuốn album, thì nghe tiếng chuông cửa. Tôi ra mở cửa, hết sức ngạc nhiên khi thấy Carl và anh Huân là hai người ở Sở trước mặt. Anh Huân làm phòng tối, phụ trách về rửa phim, in hình và Carl vừa là phóng viên vừa là nhiếp ảnh viên. Cả hai người này chẳng bao giờ đến nhà tôi vào giờ này, càng chắc chắn là không phải gọi tôi đi làm. Tôi lúc đó làm thư ký cho hãng Thông Tấn The Associated Press, công việc của tôi là lo tất cả những việc linh tinh cho hãng: Từ phát lương cho nhân viên, giữ sổ chi thu, mua bán hình ảnh, thư ký cho ông chánh văn phòng, đi nghe họp báo bỏ túi, v.v. Những việc này không bao giờ phải làm cuối tuần, cũng như không bao giờ làm ca đêm.

Cả hai người bước vào buồng khách, cả hai nhìn tôi, rồi cả hai nhìn nhau, không ai muốn là mình nói trước. Tôi linh tính có điều không tốt, nhưng không hiểu chuyện gì. Cuối cùng Carl nói:

"Sở nhận được điện thoại từ Rạch Giá gọi về chiều nay, nói là Cung, chồng của cô đã tử trận." Tôi đứng ngẩn người, nhìn lại cả hai, không nói được tiếng nào, Carl nói tiếp:

"Suốt từ chiều, chúng tôi liên lạc được với Rạch Giá (Kiên Giang), xác định tin rõ ràng, có gọi điện thoại nói chuyện với bà giám thị của đại học xá Trần Quý Cáp, mẹ Cung, cụ cũng nhận được tin rồi."

Tôi ngồi xuống hai gót chân mình, không nghe được gì tiếp, ngoài tiếng xôn xao của cha, mẹ và gia đình.

Chúng tôi mới cưới nhau sau lễ Phục Sinh vào tháng Tư, Cung tử trận 30 tháng 7, năm 1969. Cung không phải là quân nhân chính gốc, anh tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, ban Pháp Văn và đã đi dạy được 1 năm, anh bị gọi trong chương trình Tổng Động Viên. Khi nhận giấy báo phải nhập ngũ, anh đến xin cha mẹ tôi cho làm hôn thú, vì sợ sau này sẽ khó khăn khi ở quân đội. Trên giấy tờ, tôi có chồng từ tháng 6-1968. Lúc làm đám hỏi chú rể tương lai không có mặt (đang đóng ở chi-khu Trà Bồng) chỉ có mẹ chồng mang trầu cau sang. Nghĩ cũng tủi thân, nhưng thời chiến mà, làm sao được.

Sau đám cưới, Cung về đơn vị, tôi vẫn ở nhà với cha mẹ, đợi Cung được biệt phái về dạy học lại, (Bộ Giáo Dục hứa sẽ cho các giáo chức được về vào tháng 10/1969) rồi sẽ ra ở riêng.

Chiếc máy bay vận tải Mỹ đáp xuống phi trường Bình Thủy, Cần Thơ.

Người phi công phụ quay xuống nói với anh trai của Cung và tôi, đang ngồi cạnh chiếc quan tài.

"Chúng tôi rất tiếc là phải thả hai người và quan tài xuống đây, vì đây là máy bay quân đội Mỹ chờ dầu, chúng tôi chỉ đi tới Cần Thơ chứ không về đến Sài Gòn."

Đuôi máy bay mở ra, một chiếc forklift tiến đến trực quan tài ra khỏi máy bay để giữa lòng phi đạo. Anh chồng tôi dặn:

"Em đứng đây, anh vào gặp ông xếp của phi trường này may ra được giúp đỡ."

Buổi trưa tháng Tám, mặt trời tóe những chùm nắng rất bỏng, chói chang trên sân bay, cái sân bay rộng lớn chông chơ một chiếc áo quan có phủ xộc xệch lá quốc kỳ, mấy giọt nén đóng thành mảng khô cứng trắng đục trên màu vàng của lá cờ, một vài chiếc lá quăn queo sót lại của vòng hoa chiều qua còn dính ở đó.

Tôi tự thấy mình bé nhỏ, mỏng manh trong chiếc áo dài màu xanh nhạt, áo nhàu nát, tóc bơ phờ, mặt ngơ ngác đứng nhìn chung quanh mình. Cái sân bay trông sao mông mênh thế mà cái áo quan thì bé tí, tôi đứng bên cạnh trông lại càng bé hơn. Sân bay không một bóng người, vài ba chiếc máy bay quân sự đậu rải rác bên cạnh những phuy dầu chưa kịp xếp vào kho. Hình như đã có mùi hôi bốc ra từ áo quan, tôi đứng lui ra một tí nữa, xoa tay lên ngực, thấy mình nghẹt thở, ngực nặng và đau buốt, đau thấu xuống tận bụng, tôi muốn ngất đi.

Hai ngày, một đêm ở Kiên Giang đã làm tôi đuối sức. Tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ không ăn, không ngủ, không khóc, không cả vệ sinh. Chắc trong người tôi không còn nước. Bà mẹ chồng một bên, ông anh chồng một bên, họ đỡ sửa ông Thọ cho tôi. Bà mẹ chồng tôi thật giỏi, bà có

kinh nghiệm với chiến tranh, kinh nghiệm với chết chóc, nên đi đón xác con mà bà còn nhớ đem theo hộp sữa ông Thọ cho cô con dâu tiểu thư, cô con dâu còn mới như vương lụa chưa thêu.

"Con uống đi. Con mà gục xuống đây nữa thì mẹ biết nói làm sao với cha mẹ con."

Tôi không uống được, cái mùi tử khí trưa nay của mấy chục cái xác xếp chất lổp nhổp trước cửa nhà xác vẫn ràn rụa trong thân thể tôi. Nó phủ chụp từ đỉnh đầu xuống hai bàn chân, khi tôi len lỏi bước qua những xác lính bên ngoài để vào bên trong chỗ người ta để xác sĩ quan. Tôi đã phải bước qua từng cái túi có bọc thầy người ở trong, có cái thò hai bàn chân còn nguyên đôi giày sau ra một đầu, có cái thì lòi ra ở đầu kia một đỉnh tóc bết đất, có cái thò nguyên một khuôn mặt tái mét vàng khè có mấy con ruồi đậu trên đôi mắt chưa khép kín hẳn. Tôi đi theo bàn tay dắt của người anh chồng, xúc động và kinh hoàng đã làm tôi không còn cảm giác nữa. Không biết tôi có dẫm phải ai không. Tôi cố gắng không dẫm lên những người đàn ông nằm đây. Vào được đến bên trong thì tôi có nhìn thấy gì đâu. Tôi chỉ nghe tiếng bật khóc của mẹ chồng, tiếng anh chồng bảo "Đúng là Cung rồi."

Tôi thấy hình như tôi được bế lên, được đặt ngồi xuống một cái bậc thềm, gió ở sông thổi vào mặt tôi, giúp tôi tỉnh lại, tôi mở mắt ra, nhìn xuống. Tôi thấy một giòng nước đục chảy lờ đờ bên dưới. Thì ra nhà xác của bệnh viện Kiên Giang nằm sát cạnh bờ sông. Tôi không dám nhìn vào những người đàn bà đang đi lật từng cái poncho quần thầy người để tìm chồng, tìm con họ trước cửa nhà xác. Tôi thấy tôi còn may mắn hơn họ.

Người ta đem xác Cung về trại gia binh tiểu khu để làm lễ. Tôi được bày đứng cạnh áo quan cho ông Phó Tỉnh Trưởng đọc diễn văn, trong khi ông đọc thì tôi đứng nhìn mấy cây nến chảy, nhìn vòng hoa đã bắt đầu héo, có cả chén cơm đã khô và quả trứng luộc có mấy con ruồi bay lên bay xuống, tàn nhang rơi phủ đầy trên đó. Ông Phó Tỉnh đọc diễn văn xong, hấp tấp ra về. Chắc ông hơi thất vọng vì không thấy tôi khóc để có dịp nói lời an ủi. Mấy người vợ lính trong trại gia binh, chạy sang thăm hỏi, mấy đứa nhỏ con lính chạy loanh quanh áo quan với mấy con chó gầy trơ xương, trụi cả lông, cái áo chúng mặc ngắn cũn, bụng ồng ra ngoài, mũi thò lò cũng chẳng chùi. Chúng tròn mắt nhìn mấy người Sài Gòn, mặt mũi có vẻ khang khác với những người trong trại lính này. Có người cũng từ xa đến chưa tìm ra xác chồng, xác con đến hỏi han bà mẹ chồng tôi với con mắt nặng trĩu và gương mặt thất thần.

Tôi đứng đó lơ mơ nghe lao xao những tiếng nói chồng lên nhau, mỗi người kể một cách, giống như ở nhà tôi mỗi khi đi xem một cuốn phim về, chị em tôi vẫn thường tranh nhau nói như thế. Hình như họ nói về trận đánh ngay ở xã Vĩnh Thanh Vân. Xã này, tôi không biết ở đâu nhưng chắc là rất gần. Họ nói đánh ba bốn hôm rồi, và vẫn còn đánh nên xác không kéo ra hết được, phải ngồi chờ thôi. Cứ ngồi chờ thế nào cũng gặp, họ bảo nhau.

"Không thấy người thì thấy xác. Thế nào cũng gặp mà!"

Người anh chồng thì thỉnh thoảng lại biến mất, không biết đi đâu, chắc là đi tìm cách đưa mọi người về nhà. Tôi thấy trong những người đi nhận xác chỉ có 3 người trong gia đình này ít khóc nhất.

Bà mẹ chồng tôi thì vừa mếu máo vừa lo xin nước sôi pha sữa cho con dâu uống. Con bé này vốn đã gầy, hai hôm rồi nó chẳng ăn, chẳng nói gì làm bà phát hoảng, giá nó cứ khóc suốt như mấy người vợ lính đang khóc ngoài kia thì bà lại đỡ lo. Không biết còn kẹt ở đây đến bao giờ? Bằng vốn liếng tiếng Pháp bà nói chuyện với một ông sĩ quan Mỹ cho bà quá giang máy bay quân sự về Sài Gòn, rồi bà sẽ thuê máy bay dân sự xuống đây đón mấy đứa con.

Bà giỏi lắm. Mấy chục năm trước, còn trẻ măng mà bà đã một mình thuê đò ở Nam Định đi tìm chồng. Chồng bà đang đem được Việt Minh đập cửa mời đi, rồi cả tháng không thấy về. Ông được mời vì lúc đó ông có một ngôi trường nhỏ dạy học tiếng Pháp ở Nam Định. Bà đi đò, đi bộ cả bao nhiêu cây số, đến tận chỗ không ai dám bèn mảng đến hỏi tin tức chồng. Họ bảo về đi, bắn chết rồi. Bà lại thuê đò về, tính ngày đi của chồng dùng làm ngày giỗ vì bà không biết ông bị xử bắn vào hôm nào. Mấy hôm sau bà bỏ nhà ở Nam Định, dắt ba thằng bé, đứa lớn nhất chưa quá 10 tuổi tìm đường ra Hà Nội. Đi làm, nuôi con ăn học. Rồi lại dắt con di cư vào

Nam. Ai làm được gì thì bà cũng làm được như vậy. Bà cũng khóc chứ. Nhưng nước mắt thì vốn chóng khô vì nó không chảy hết ra một lúc, nó chảy rỉ rả ít một. Chảy suốt một đời. Cô con dâu bà mới cưới được có ba tháng, còn trẻ lắm, lại chưa có con, đi đón xác chồng lại có mẹ chồng, anh chồng bên cạnh. So với bà cô còn may mắn chán.

Mà đúng thật, bà mẹ chồng tháo vát của tôi số khổ hơn con dâu. Bà xin lên được máy bay về trước các con một hôm thì cũng bị thả xuống phi trường Bình Thủy đêm hôm đó, máy bay không về đến Sài Gòn. Một cơn mưa tháng Tám bất chợt ập xuống làm bà ướt sũng, thất thểu tìm một nhà thờ vào xin ngủ qua đêm, bà không cần khóc nữa, trời đất khóc hộ bà rồi. Sáng hôm sau bà đi xe đò về Sài Gòn. Trong khi đó thì các con của bà: Con sống, con chết cũng bị thả xuống chỗ mẹ ngày hôm qua, nhưng không phải buổi tối mưa sũng nước mà một buổi trưa đầy nắng.

Cuối cùng thì cũng đưa được quan tài về Sài Gòn. Khi xuống đến phi trường Tân Sơn Nhất thì cả người và cảnh trông thật bất mắt. Nếu có cần quay một cảnh phim cho chiến tranh thì hay quá. Cái quan tài cũng không cần phải trang trí cho ra vẻ tang thương hơn nữa. Lá cờ phủ trên nó nhàu nát, xộc xệch, cô đơn, đã đủ vẻ tang thương.

Hai nhân vật thất thểu xác xơ đứng cạnh không cần phải hóa trang hay diễn xuất, họ đi đứng như người mất hồn, ngơ ngác, thất lạc, rơi ra từng mảnh như những người lính vừa bại trận trở về. Cứ dựng máy quay phim lên, quay họ như thế vào phim cũng tuyệt lắm rồi.

Sau này tôi nghĩ lại vẫn tự hỏi. Tại sao lúc đó mà mình tỉnh khô như vậy, sao mình không phát rồ, phát điên, không đập đầu vào tường?

Cả trăm câu hỏi cứ chạy lung tung trong đầu tôi bao nhiêu năm trời.

Một chiếc xe nhà binh đón chờ áo quan từ phi trường đến nhà xác bệnh viện Grall. Đã bảo bà mẹ chồng tôi là người tháo vát mà! Bà còn xin được miếng đất chôn Cung trong Mạc Đĩnh Chi để bà thăm viếng cho tiện, chứ lên tận Nghĩa Trang Quân Đội thì làm sao bà có thể đi thăm thường xuyên được.

Họ cho Cung đi qua nhà, dừng lại cho Cung nhìn chỗ mình đã sống, đã lớn lên một lần chót. Chẳng biết ai là người nghĩ ra cái tục không được chôn ở nhà thì phải ghé qua nhà trước khi ra đi hẳn mà hay thế! Tôi thấy những người lân cận và một vài người họ hàng đã đứng chờ sẵn trước cửa nhà. Họ nhìn tôi, nhìn quan tài như xem phim chiếu chậm, họ quen quá rồi cái cảnh này những năm gần đây. Tôi còn trẻ quá, họ nghĩ. Thế nào rồi cũng quên đi, cũng lại lấy chồng, chỉ tội cho bà mẹ anh ta.

Họ nghĩ cũng chẳng sai mấy. Khi tôi bị đẩy ra khỏi nước, gia đình chồng cũng bỏ đi, chỉ có Cung là người ở lại. Cung cũng chẳng khác gì những người còn sống, cũng bị đuổi nhà, bị chiếm đoạt tài sản. Người anh họ ở lại tìm cho anh một nơi cư ngụ mới trong nhà thờ Tân Định.

Tôi trôi mãi rồi cũng phải dạt vào một chỗ. Bảy năm sau tôi lấy chồng, sanh con, tôi sống bình thường như tất cả mọi người đàn bà khác trên một đất nước không có chiến tranh. Tôi cũng vui, cũng buồn với những thăng trầm của đời sống.

Ở đời sống hàng ngày, tôi quên dần cái bất hạnh của tôi mấy mươi năm về trước. Nhưng tôi nhớ rất rõ ràng là cái bất hạnh đó nó có hiện diện trong kiếp người của mình. Thỉnh thoảng Cung vẫn về trong giấc mơ, dù suốt ngày hôm trước tôi không hề nghĩ đến. Cung về như còn sống hay về như đã chết thì khi tỉnh dậy, nước mắt tôi vẫn lặng lẽ trào ra trên gối. Tôi cố gắng không làm giao động người nằm bên cạnh đang ngon giấc. Buổi sáng, thức dậy, tôi thay áo gối, rồi lại thân nhiên bước vào đời sống trước mặt: Giặt giũ cho chồng, cơm bánh cho con. Thời gian cứ thân nhiên trôi, buồn và vui đây ập hai tay. Ngày trắng tóc rồi cũng đến.

Lần đầu tiên về thăm lại Việt Nam năm 1998, sau 23 năm, tôi đi tìm Cung ở nhà thờ Tân Định. Tôi đi len lỏi giữa những dãy kệ, đọc từng cái tên, đi đến vần "T" là họ của Cung. Tôi nhìn thấy một cái học nhỏ, không có hình chỉ có ghi Họ, tên, ngày sinh, ngày mất. Tôi đứng lặng người, run rẩy chạm những ngón tay mình lên mặt chữ. Cái cảm giác chạm tay vào đầu áo quan của

năm 1969 bỗng hiện ra dưới những ngón tay tôi. Một tiếng nấc đưa lên thanh quản, vỡ òa ra, tôi khóc như chưa bao giờ được khóc. Nước mắt của bao nhiêu năm tụ lại một ngày, nước mắt của những ngày đi đón xác ở Kiên Giang khô lại bây giờ nứt ra như một mạch ngầm của suối bật lên trên mặt đất nứt nẻ. Tôi khuyu chân ngồi xuống giữa lối đi của hai hàng kệ, khóc như chưa bao giờ được khóc.

Chung quanh tôi vắng lặng.

Tôi trâm mình vào nước mắt, vào bất hạnh, vào nỗi cô độc của mình. Cái học nhỏ đựng tro than bên trên đầu tôi vẫn thân nhiên, im lìm nhìn như trước khi tôi đến.

Bình Thủy, 30-07-1969

Quán trà thịnh lặng

Hà Nội là cả một thế giới bí mật, nó luôn luôn giấu những bất ngờ nho nhỏ ở một chỗ ta không hình dung ra được. Một may mắn tình cờ nào đó ta tìm thấy cái bí mật đó ngay trước mặt ta, ta bàng hoàng như được ai mời một chén rượu quý. Cái ngọt của rượu cứ vương mãi ở cổ như một bài thơ chưa đọc đến câu cuối cùng. Câu thơ đó có thể ở lại với ta suốt một đời người.

Một buổi chiều, tôi lang thang trên đường phố Hà Nội, đi một mình trong khi chờ đợi chồng con (được một ngày mẹ cho) đang phân tán trong phố cổ trở về đi ăn tối. Vừa đi vừa ngắm nghĩa hai bên: phố, người, xe tấp nập buổi tan tầm, chạy đăm vào nhau, như những con rối trong tuồng múa rối nước. Cái cảnh này trên thế giới chỉ có ở những nơi đất hẹp người đông như Hà Nội, Sài Gòn Việt Nam ta có lẽ là hai nơi điển hình nhất. Chênh giữa bước chân đi là những hàng ăn, hàng uống bày cả ra hai bên phố. Ngay trước các cửa hiệu hàng hóa, ai muốn bán thì cứ bày ra bán. Ở một con ngõ vào xóm người ta cũng có thể giăng một tấm bạt từ vách tường của nhà bên phải sang vách tường của nhà bên trái ở ngay đầu ngõ làm thành một quán cà phê hay một quán bán chè, bán cháo. Ai may mắn có được cái mặt tiền độ ba thước vuông là thành một cửa hiệu khang trang lắm rồi, còn không thì cứ bày ngay ra trên lối đi, trên một nắp miệng cống cũng để vừa một gánh hàng rong. Khách hàng xúm xít ngồi xuống ăn uống rất là tự nhiên, giản dị, thưởng thức món ăn rất hạnh phúc, chẳng kém gì những người khách ở trong một nhà hàng sang trọng thưởng thức món ăn của mình.

Tôi hòa mình vào trong cái dòng sinh mệnh đông đảo đó. Lang thang mãi, mỗi chân và khát nước, thấy thèm một ly trà quá. Thật may, một cái quán bán nước trà, kẹo lạc (đậu phộng) đơn sơ ngay góc đường Tôn Đức Thắng và Đoàn Thị Điểm. Quán không có bảng hiệu, vài cái bàn thấp và ghế đầu, nhưng gần như mọi người đã ngồi hết, tôi đứng loay hoay một vài giây chưa biết làm sao, bỗng có người giúi cho vào tay chiếc ghế đầu, mà chẳng nói câu gì. Tôi vội vàng cảm ơn và nhận được một nụ cười. Ngồi xuống chưa kịp gọi, thì chủ quán, một người đàn bà trẻ khoảng ngoài ba mươi đã đem đến trước mặt tôi một ly nước trà, và cái đĩa nhỏ có mấy chiếc kẹo. Chị không nói câu nào, đặt ly nước trà bốc khói, thơm ngát xuống ngay một góc bàn đã có bốn người ngồi trước mặt tôi với một nụ cười, tôi cũng cười lại đáp lễ, cúi xuống nhìn vào ly nước một giây, rồi uống một ngụm nhỏ. Nước trà vừa chát, vừa ngọt, vừa thơm. Đúng là trà mộc Thái Nguyên. Uống ngụm trà mà như uống một nụ cười. Hình như những người ở trong quán này ai ai cũng hào phóng nụ cười.

Nước trà làm tôi tỉnh hẳn người, lúc đó tôi mới để ý nhìn chung quanh. Quán trà nhỏ xíu nhưng ấm cúng và giản dị. Chị chủ quán đang loay hoay với những chiếc ấm, những hộp, những gói trà và những chiếc ly thủy tinh. Ánh lửa ở chiếc lò ga hắt lấp lóe lên một bên má chị, nhìn thấy cả đuôi lông mày của con mắt bên đó, kéo dài một nét thanh thanh, cái bóng nhỏ bé của chị hắt một vệt rất mờ lên vách. Cả quán có ba chiếc bàn vuông và một chiếc

bàn dài, bàn vuông ngồi được hai người, bàn dài ngồi được bốn người. Quán rất hẹp nên các bàn kê gần nhau lắm. Bàn nào hình như cũng chêm thêm ghế, khách ngồi sát vào nhau rất thân mật. Họ chụm đầu vào nhau trò chuyện, nhai kẹo lạc ròn thành tiếng. Khói trà nghi ngút bốc lên ngang mặt mọi người, nhưng sau làn khói mỏng manh đó, những con mắt vẫn ánh lên khi họ nhìn nhau trò chuyện. Thỉnh thoảng họ lại giơ tay đập vào vai nhau rất thân thiện.

Quán trà bình dân này không có tiếng hát, tiếng nhạc vỡ ra từ máy phát thanh hay truyền hình như ở các quán khác, nên không khí rất êm ả. Khách nói chuyện với nhau rất khẽ, khẽ đến nỗi không nghe được tiếng, chỉ thấy những bàn tay xòe ra, nắm vào, những ngón tay chỉ vào ngực mình, hay chỉ vào mũi người khác thì nhau múa lên. Nếu họ nói thành tiếng thì chắc quán đang ồn lắm. Mặc cho tiếng ồn ào của xe gắn máy, tiếng còi xe bóp inh ỏi, tiếng người gọi nhau ơi ới, tiếng rao hàng và cả đôi khi chen vào cả tiếng cãi cọ trước cửa quán. Những người vào đây uống trà họ giữ được không khí rất tĩnh lặng. Nói rất khẽ và cười rất nhẹ. Chị chủ quán luôn luôn biết ý khách hàng. Không đợi gọi. Kẹo chưa hết đã đem ra, trà lúc nào cũng được rót đầy ly đem tới. Chị thong thả chuyên nước sôi từ ấm sang bình. Tiếng nước sôi trên bếp cũng nhẹ nhàng như tiếng guốc chị di chuyển, hình như tôi nghe được cả tiếng thở của chị.

Tôi uống đến ly trà thứ hai và ăn gần hết chiếc kẹo, tỉnh hẳn người, lúc đó mới quan sát kỹ đến những người khách chung quanh mình. Phần đông còn trẻ, người lớn tuổi nhất chắc chỉ khoảng bốn mươi, họ đang nói chuyện với nhau bằng những bàn tay múa khoa lên trong quán. Cách nói chuyện của họ làm tôi liên tưởng đến một lớp *Sign Language* ở College tôi đã theo học cách đây mấy năm. Câu đầu tiên chúng tôi học là lấy ngón tay chỉ vào giữa ngực mình, xong xòe bàn tay ra áp vào bên trái ngực, rồi chỉ ngón tay vào người đối diện. Như thế có nghĩa là *I love you*. Tôi đã học hết khóa vỡ lòng và có thể nói chuyện vài ba câu thông thường với người câm, điếc. Bẵng đi một thời gian không học tiếp theo, bây giờ khó mà nhớ lại được hết những điều mình đã học.

Chị chủ quán đã đến gần tôi với một mảnh giấy, đưa cho tôi đọc. "*Đây là quán Trà của người câm và điếc, bà cần gì thêm xin viết xuống đây*" Tôi ngẩn người ra nhìn chị, chị nhìn lại tôi cũng vẫn với nụ cười. Tôi viết lên tờ giấy của chị vừa đem đến, hỏi chị mở quán này bao lâu? Thì chị cho biết là mới hai năm, sau khi vừa lập gia đình, anh cũng là người dùng ngôn ngữ tĩnh lặng như chị. Chúng tôi tiếp tục bút đàm với nhau, chị nói khi mới mở quán trà, muốn bán cho tất cả mọi người, nhưng *khách nói được* đến uống trà thấy cứ phải bút đàm với chủ quán mất nhiều thời giờ quá trong khi *khách không nói được* thì cứ giơ tay chỉ trở vào họ, nên họ bỏ đi. Dần dần những người câm, điếc rủ nhau đến đây uống trà, coi như quán này mở ra chỉ để dành riêng cho họ, những người đối thoại tĩnh lặng.

Tôi ngồi im trong bóng chiều chập choạng, một vài cửa tiệm đã lên đèn, chị chủ quán cũng bật lên một ngọn đèn điện ở một góc quán, ngọn đèn không được sáng lắm, nhưng cũng soi rõ những bàn tay đưa ra, những ngón tay chỉ trở vào nhau, tôi ngắm nhìn những bàn tay đó cố vận dụng vốn liếng ít ỏi đã học được của mình, dần dần tôi hiểu họ đang nói với nhau về việc làm, giá sinh hoạt, có người có con vừa ở bệnh viện ra, có người vừa thất nghiệp. Tôi dở quá nên nghe được mà không nói được. Nếu tôi còn nhớ để nói chuyện được với họ thì hay biết bao!

Nếu ai đã từng được thưởng thức tuồng Nô của người Nhật, là một loại tuồng trong đó các diễn viên sơn mặt trắng toát giống nhau, khi diễn kịch không nói tiếng nào, chỉ diễn tả bằng cách khoa tay múa chân, người xem phải đoán được cảm xúc của họ qua những cử chỉ đó, thì thấy những người đang uống trà trong quán này giống như họ vậy, có khác một điều là những người này không phải kịch sĩ, không quét sơn trắng lên mặt, nên ta đọc được cảm xúc trên từng cái cau lông mày, cái cười mệt mỏi nửa miệng, hay nụ cười nở tung ra như một đóa hoa. Tôi phải nhờ chị chủ quán thông dịch lại cái ngôn ngữ tĩnh lặng này. Tôi viết

xuống giấỵ câu hỏi, rồi chị chủ quán dùng tay nói lại với họ. Chị cho biết phần đông những người này không biết đọc, biết viết. Nếu tôi muốn nói chuyện với họ, phải nói thật to, không được dùng tay che miệng, họ sẽ nhìn miệng tôi mà đoán tôi đang nói câu gì.

Có người rút ở trong túi ra một tờ giấỵ, có bọc plastic với một dòng chữ in sẵn: *Tôi vừa cảm vừa điếc. Không biết chữ. Xin nói to và đừng che miệng.* Tôi nhìn tờ giấỵ được giữ gìn cẩn trọng như một tờ căn cước mà trong lòng rưng rưng, thấy nghèn nghẹn ở cuống họng, vội cúi xuống uống ngay một ngụm trà.

Tôi ngồi chuyện trò với họ bằng sự trợ giúp của chị chủ quán, chúng tôi nói với nhau về những đời thường. Chuyện gia đình, chuyện học của con, chuyện việc làm của cha mẹ. Họ hỏi tôi về cái đất nước xa xăm tôi sống, ở đó những người câm, điếc được giúp đỡ thế nào? Chúng tôi hỏi nhau cả về chuyện uống trà. Câu chuyện càng lúc càng thân thiện cởi mở, họ nói năng tự nhiên, ước mơ giản dị, chỉ mong kiếm đủ ngày hai bữa, có chút tiền dành dụm phòng khi con cái ốm đau và đủ tiền đóng học phí cho con mỗi khóa học.

Nhưng buổi chiều tan việc, họ bỏ lại tất cả nhọc nhằn khuôn vác trên bến dưới thuyền ở những bãi sông; những túi xi măng, những viên gạch, tảng đá ở nơi xây cất; cái cuốc cái xẻng ở một con đường đang đào, đắp nào đó, ghé uống mấy ly nước trà và gặp những người cùng chung ngôn ngữ với họ, ngôn ngữ thỉnh thoảng trong quán trà thỉnh thoảng này.

Tôi ngắm nhìn họ cầm ly uống trà rất là bình dân, với vẻ sáng khoái, hình dung ra ở một nơi uống trà khác của những người được gọi là thanh lịch. Những quán trà dành cho tao nhân mặĩ khách có những nghi thức cầu kỳ gọi là Trà Đạo. Khi cho trà vào ấm thì gọi là *Ngọc Diệp Hồi Cung*. Khi tráng trà thì gọi là *Cao Sơn Trường Thủy* (rót nước 60 độ, cao cách trà 20-30 phân) Khi pha trà thì gọi *Hạ Sơn Nhập Thủy* (rót sát miệng ấm, nước sôi đủ 100 độ) Khi nhắc chén trà lên thì mấy ngón tay cũng được thăng hoa gọi là ba con rồng *Tam Long Giá Ngọc*, trước khi uống ngụm trà đó phải từ tốn đưa lên mũi từ trái sang phải thường thức mũi thơm của trà gọi là *Du Sơn Lâm Thủy*.* Chao ôi là nghi lễ, là cầu kỳ.

Những người uống trà trong quán trà Thỉnh Lặng này họ giản dị lắm, trà do chị chủ quán pha một bình lớn, rót ra sẵn trước mặt, họ cầm lấy chén trà, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân mật, ngửa cổ lên uống một hơi đầy, uống theo cả một nhọc của một ngày lao động vất vả vào lòng ngực. Họ chỉ vào ngực mình, ngực bạn, nói lòng quý mến nhau. Những tiếng động bên ngoài đường của xe cộ, của âm thanh ầm ĩ, họ bỏ cả ngoài tai. Trong những lồng ngực đơn sơ đó cái âm thanh tĩnh lặng kéo dài theo nhịp đập êm ả của trái tim.

Tôi chào họ ra về, mang theo quán trà Thỉnh Lặng trong trái tim nhiều tiếng động đời thường của mình, nước mắt bỗng ứa ra.

Chao ôi, là quê hương yêu dấu! Mỗi chỗ giấu một điều bí mật, ta có may mắn tìm thấy, khác nào như những người tìm được châu báu trong kho tàng cổ tích thần tiên.

Những cánh mai trong tách trà

Hà có cái thú thích tìm vào những tiệm bán đồ cũ. Đi tới một thành phố lạ, bao giờ Hà cũng liếc nhìn bên đường xem có tiệm nào kê cái bảng Antiques Store là nàng phải tìm thời giờ ghé vào. Nàng thích chạm tay vào những cái chén trà, cái nón vải, cái áo len, cái dây đeo cổ, cái khung hình hay bất cứ một cái gì trong tiệm bán đồ cũ. Đối với Hà mỗi vật thể đó nó cất giấu cả một linh hồn thiêng liêng và bí mật.

Đôi khi cái mùi quần áo đã chạm vào da thịt lâu năm treo trong tiệm, làm nàng bị dị ứng, nhưng Hà cố bỏ nó sang một bên để chỉ nghĩ và tưởng tượng đến những hình hài đã khoác nó lên người. Cũng may, phần đông những tiệm đồ cổ của tư nhân ở những thành phố nhỏ nơi

Hà đi du lịch qua họ ít bán quần áo, chỉ những tiệm có tính cách gây quỹ cho một *charity* nào đó mới có thôi.

Hôm nay đã cận tết lắm rồi, chỉ còn năm hôm nữa tết đến mà hai vợ chồng Hà còn lang thang ngao du ở Coeur d'alene, Idaho cách nhà bảy, tám tiếng lái xe. Hai vợ chồng chắc là phải thay nhau lái một mạch về nhà, dừng lại ăn đường, đồ xăng, thư giãn tay chân thôi, chứ không ngủ qua đêm nữa. Còn về nhà lo dọn dẹp bàn thờ, nhà cửa cho năm mới đang đến.

Hà nói với chồng:

Em vừa nhìn thấy cái bảng hiệu bán đồ cũ ở góc đường gần tiệm ăn, anh cho em ghé vào xem một chút rồi hãy ra xa lộ.

Đoàn biết ý vợ, cười dễ dãi:

Em thích thì vào, nhưng xe của mình không có chỗ cho em khênh cái gì to tướng về nhà đâu đấy nhé.

Tuy nói thế nhưng anh dư biết Hà chỉ thích đặt tay lên mấy cái vật cũ kỹ nhỏ bé, cầm lên để xuống, đứng tần ngần một lúc, rồi thôi. Nàng hay mua tách trà nhất, nàng đã có tới gần ba mươi cái tách khác nhau mua ở các tiệm đồ cũ rồi. Cái tủ chén ở nhà đã hết chỗ cho nàng chất thêm. Hà đã hứa nhiều lần sẽ không mua nữa, nhưng vào xem thì nhất định nàng phải vào mới hài lòng.

Hà dặn chồng ngồi ngoài xe đọc sách, “em vào mười lăm phút, ra ngay.” Đoàn vui vẻ, ngả cái ghế thấp ra sau một chút mang mấy cuốn tạp chí ra đọc, đợi vợ.

Cái tiệm Antique này không lớn lắm, nhưng chất khá nhiều hàng. Hà cầm lên bỏ xuống ngắm nghĩa đủ mọi thứ. Mỗi thứ đầy trí tưởng tượng nàng đi thật xa hiện tại. Sợi dây đeo cổ này chắc phải thuộc về một phụ nữ giàu có nào từ vài chục năm về trước. Những hạt đá đỏ thẫm lấp lánh được gắn vào sợi dây vàng rất mỹ thuật, tuy cái móc đã mất mà giá khá cao trong một cửa tiệm như thế này. Hà tưởng tượng ra nó được đeo vào một chiếc cổ mịn màng nõn nà như cổ con thiên nga. Người phụ nữ đó bây giờ ở đâu, nàng còn sống, da mồi, tóc bạc, cổ nhăn nheo và đang ở trong một khu nhà già hay nàng đã nằm ngủ vùi trong lòng đất? Cái khăn quàng cổ bằng nhung lam đã bạc màu, nhưng đường ren gắn ở hai đầu khăn thì không hề mất một sợi chỉ nào. Ai choàng chiếc khăn này trong một buổi dạ vũ nhĩ; đôi giày bạc kia nữa, chắc nó đi vào một bộ với nhau nên người ta mới bày cạnh nhau. Hà nhìn thấy ngay hình ảnh của người con gái mới lớn, má đỏ môi hồng, đang ngả vào vòng tay người đàn ông nàng yêu trong một vòng luân vũ. Ô, còn những khung hình này nữa, có cái hình đã tháo đi chỉ còn lại khung, cũ kỹ và trầy trụa, có cái còn nguyên hình của một cặp vợ chồng mặc quần áo của thế kỷ có Nã Phá Luân; rồi cái này, hình em bé gái độ lên 10, với chú thích chụp năm 1911. Cả trăm năm rồi cơ à? Sao cái hình lại lưu lạc tới đây. Con cháu không giữ à?

Hà lan man bước lên lối giữa những kệ hàng, cầm lên, bỏ xuống, thứ này thứ nọ, ngắm nghĩa và tưởng tượng. Cuối cùng nàng cũng tới kệ bát đĩa. Chẳng cái nào đủ bộ cả. Bát lớn, bát nhỏ, đĩa và chén, ly thủy tinh nữa, chủ tiệm cứ xếp đầy lên kệ chẳng theo một thứ tự nào cả. Có những cái mới tinh, chẳng có dấu vết gì là đồ cổ Nhưng có những cái trông lạ lắm. Hà cầm lên một cái tách trà nhỏ, có cả đĩa bên dưới. Hà ngắm nghĩa, lật trước, lật sau, ngắm nghĩ: “Tách trà này chắc của Trung Quốc hay Việt Nam”, vì Hà tự nhiên thấy nó thân thuộc quá, cả hai đều có men xanh thật nhạt và vẽ một cành mai vàng rất mỹ thuật. Trên tách trà, phía ngoài vẽ nguyên một cành mai thép vàng, phía trong lòng tách vẽ hai bông mai rơi trong tách, không có lá, nét vẽ tinh xảo trông như hai bông mai đang nổi trên mặt nước. Ở chiếc đĩa nhỏ kèm theo một bông mai lớn trên một cạnh đĩa, đầy đủ năm cánh với những đường gân của cánh hoa.

Hà tự nhiên thấy rung mình vì cái tinh xảo của những cánh mai. Bỗng một giọng đàn ông cất lên sau lưng làm nàng giật mình, tuy giọng nói đó nhẹ nhàng.

Bà nên mua cái tách này, nó đợi bà đến mang nó về đây.

Hà quay hẳn người lại. Trước mặt nàng là một người đàn ông Á Châu, mặc dù cách phát âm tiếng Anh của ông khá giống như người bản xứ. Ông trạc ngoài sáu mươi, tóc bạc, hơi gầy, trông khá tươm tất, nhưng buồn buồn ở hai con mắt. Hà chưa kịp nói gì thì ông ta đã nói tiếp:

Cái tách này ở trong một bộ sáu cái, hai cái lớn, bốn cái nhỏ, có ấm nữa. Nhưng do chiến tranh, cái thì mất, cái thì vỡ, cái ấm thì phải bán lúc cần tiền mua thuốc cho con. Khi hết chiến tranh, hết tù đầy, trở về, chỉ sót lại được có một cái nhỏ, may còn cả đĩa. Chủ nhân quý nó lắm, nhưng khi ông ta mất đi, con cái mang vật dụng của ông đem cho, nó cũng bị vứt chung trong đó. May mà không bị sút mẻ gì.

Hà lơ đãng không để ý lắm đến lời ông kể lể, nàng còn mãi chú ý nhìn giá tiền ghi, thấy hai mươi đồng. Nàng nghĩ thầm, mọi khi mình mua những cái tách lẻ ở tiệm đồ cũ như thế này, thì giá cao lắm cũng chỉ khoảng mười lăm đồng thôi.

Như đoán được ý nghĩ của Hà, người đàn ông nói:

Tôi biết là giá cao, nhưng tôi cứ để như thế cố ý không muốn ai mua, để chờ bà. Tôi sẽ hạ xuống mười lăm đồng thôi. Bà cứ lấy đi.

Hà vẫn cầm cái tách cái đĩa bằng cả hai tay. Nàng thấy nó đẹp quá, nếu ông chủ tiệm muốn bán hai mươi đồng thì nàng vẫn mua. Nàng nói:

Cám ơn ông, chắc chắn là tôi mua rồi. Tôi thích sưu tầm tách trà lạ và đẹp. Cái tách trà này tôi nghĩ là đẹp nhất trong số tách tôi có ở nhà.

Người đàn ông mỉm cười, nói xã giao mà như thật:

Tôi biết hôm nay bà sẽ ghé qua đây, tôi đợi suốt từ sáng đến giờ để trao nó cho bà, vì bà biết nhìn ra cái giá trị của nó. Trao được nó cho bà tôi rất yên tâm.

Người đàn ông nói xong, rút cái bút trên túi áo ra, sửa lại giá tiền của cái chén, rồi lại nói:

Chắc ông nhà đang chờ bà ngoài xe. Chúc bà về nhà bình an. Bà còn về lo sửa soạn đón năm mới. Năm nay bà có cái tách mai vàng cho chén trà đầu năm, sẽ may mắn nguyên năm.

Vâng, cám ơn ông, chắc ông cũng ăn Tết phải không? Ông là người Hoa hay người Việt.

Người đàn ông chỉ mỉm cười, không trả lời câu hỏi của Hà, đưa tay chỉ nàng ra chỗ quầy tính tiền.

Hà có cảm tưởng ông chủ tiệm này như một người mà nàng đã biết từ lâu lắm rồi. Nàng cố tìm trong trí nhớ xem ông ta có phải là bạn của cha mẹ mình không? Chắc là không? Vì cha mẹ Hà đã mất trên hai mươi năm rồi và khi mất cũng bằng trạc tuổi ông này bây giờ, thì làm sao mà họ là bạn với nhau được. Còn nữa, ông này chắc gì là người Việt. Cách phát âm tiếng Anh của ông ấy cho Hà biết ông ấy không phải đồng trang lứa với cha mẹ nàng.

Hà đặt chiếc tách trà lên quầy tính tiền, cô thâm ngâm tóc vàng nhìn giá tiền trên cái tách trà, hơi cau mày lại. Cô nói trống không:

Lạ nhỉ, cái tách trà này, ông chủ tôi để giá là mười lăm đồng, nhưng khi nào tôi ra thu dọn, lau bụi tôi cứ thấy bị sửa lại là hai mươi đồng. Vì giá cao nên chẳng ai mua. Bây giờ bà mang ra đây nó lại trở về giá mười lăm đồng.

Hà cười nói:

Số tôi may, hôm nay chính ông chủ thấy tôi cũng là người Á Đông nên ông bớt cho tôi năm đồng, ông ấy lấy bút mới sửa tức thì đấy.

Cô thâu ngân tròn mắt:

Ở đây làm gì có người Á Đông nào. Chủ tiệm là người Mỹ, tôi cũng là người Mỹ, hơn nữa ngày hôm nay chỉ có mình tôi ở đây, ông chủ bận không ra được. Bà có đùa cho vui không đấy?

Hà nghe lạnh buốt sau lưng. Nàng quay đầu lại, cố nhìn về phía kệ để bát đĩa, tuyệt nhiên không có bóng một ai, sát sau lưng kệ là bức tường ngang, chẳng có cánh cửa nào. Thế người đàn ông đó ở đâu ra? Nàng im lặng hấp tấp trả tiền rồi đi như chạy ra xe. Suốt trên đường về nhà, Đoàn lái xe, ngưng lại, nghỉ giải lao. Hà cứ im lặng, chỉ trả lời những khi Đoàn hỏi làm Đoàn phải ngạc nhiên tưởng Hà bệnh.

Em sao vậy, em bệnh à?

Không, em không sao cả.

Hà nói dối. Nàng đang hoang mang không biết cái ông Á Đông nói chuyện về cái tách trà hoa mai ở đâu ra. Tiệm chỉ có bốn bức tường, không phải là một cái nhà ở, nơi đó không có thêm gian nào ngoài gian bán hàng. Mà sao ông ấy lại sửa giá tới, sửa giá lui để chờ nàng tới mua. Sao ông biết nàng sẽ tới.

Bỗng Hà thấy đau quặn ruột, nàng nghĩ ra rồi. Ông ấy là người Việt Nam. Ông ấy đã đi qua chiến tranh, qua mất mát, qua tù đầy, qua Mỹ và qua đời rồi. Cái tách trà này trước đây là của gia đình ông. Ông muốn trao cho một người biết trân quý nó. Hà ôm chặt cái gói giấy vào lòng, nước mắt ràn rụa. Nàng đã nói chuyện với một hồn ma, một cái hồn tha hương thất lạc tìm về quá khứ trong những ngày cuối năm.

Đêm ba mươi, Hà thấp nhang, pha trà để lên bàn thờ cha mẹ xong, nàng mang cái tách hoa mai vàng ra, cầm lên ngắm nghía. Hà thấy lòng nàng nao nao xúc động, nghĩ đến người đàn ông Á Đông trong tiệm đồ cũ. Ông có thật hay không? Hay nàng chỉ tưởng tượng ra vào những ngày cuối năm âm lịch, những ngày mà hồn nàng chao đảo nhất.

Nàng xót xa lan man nghĩ tới những người đàn ông Việt Nam đã đi qua chiến tranh, qua tù đầy, qua một nước khác không phải quê hương mình để sống nốt những ngày còn lại rồi qua đời ở quê người. Toàn là những vượt qua thống khổ, ngậm ngùi.

Nàng rót trà vào cái tách hoa mai, cúi xuống, nói nho nhỏ:

Xin mời ông ngậm trà đầu năm trong cái tách mai vàng gia bảo này.

Hà đợi cho tàn hết một tuần nhang, mở cửa ra trước hiên nhà, cầm tách trà rót xuống mặt đất tân niên. Những cánh mai trong tách như theo nhau trôi vào lòng đất.

*Giao Thừa Giáp Ngọ
2014*

Phụ đính



Chuyện kể

(Gửi anh Thái Hà Chung, để nhớ lại 40 năm Cung đã mất)

*Chuyện hôm nay chỉ còn là chuyện kể
Quãng đời qua hay là quãng chiêm bao
Tình yêu đó ta thấp bằng tim nển
Sao ai châm đuốc lửa đốt hai đầu.
(tmt)*

Khi anh tìm được về nhà cũ, em và cả gia đình hai bên đã đi rồi. Anh đau đớn quá, nhưng anh không muốn để sự thất vọng giết nốt hồn mình, anh loanh quanh trong thành phố, hy vọng em chưa đi hẳn, em còn tạm trốn ở một nơi nào đó, đợi anh về, nên mấy chục năm nay anh vẫn ở lại trong xóm cũ, dù biết, nhà của cha mẹ em đã có người khác dọn vào lâu rồi. Người đàn bà vóc vạc mảnh dẻ, đi như dựa hẳn vào lòng người đàn ông, ông không cao lớn lắm, nhưng vững chãi như một bức tường nhỏ, ấm áp. Tóc của bà đã hoa râm, dấu thời gian đã vẽ những vết nhăn đậm nhạt trên vùng trán, trên khóe miệng, trên đuôi mắt; nhưng ở người đàn ông, da vẫn căng và nâu xạm khỏe mạnh, tóc không hề có một sợi bạc, mái tóc xanh, cắt ngắn, của một người lính.

- Em lúc đó hoang mang, bối rối vô cùng, ông chánh văn phòng ở chỗ em làm, bảo sao thì em làm vậy. Bên gia đình anh cũng bỏ đi rồi, em đến nhà thì nhà hoang cửa trống, chỉ có con bé giúp việc đang ngồi khóc. Em đi chung quanh những căn buồng nhỏ, nhớ lại những kỷ niệm từ hồi còn anh, những kỷ niệm như những cánh hoa ứa máu nhưng vẫn còn thơm ngát. Biết là mình rồi cũng sẽ phải bỏ đi thôi. Em xếp kỷ niệm chôn vào bóng nắng trong một góc vườn. Vì em có một mình nên Sở cho em mang bố mẹ đi với em. Thế là nhà của bố mẹ cũng mất với người.

Hai người đi một vòng trong xóm cũ; mọi nhà, mọi cảnh đều thay đổi, người đàn bà không nhận ra ai trong xóm, những khuôn mặt hình như đều được vẽ lại, xa lạ và lạnh lùng như những người trong tranh. Những ngôi nhà thay đổi đến ngạc nhiên, không cách nào nhận ra, Lần đầu tiên bà về quê, bà phải đếm trong đầu, từng ngôi nhà một, để định chỗ. Khi tìm được cây tầm ruộc, bà mới nhận ra ngôi nhà cũ của mình. Người đàn ông dừng lại trước ngôi nhà, ôm thân hình mảnh mai của người đàn bà trong đôi tay khỏe mạnh của mình xót xa:

-Em gầy quá!

Người đàn bà cười nhẹ:

-Không phải em gầy đâu, tuổi già làm xương em xốp đi đấy.

-Em nhìn kia, nhà cửa thay mới nhưng họ vẫn không đốn cây tầm ruộc này, nó bây giờ vẫn mỗi năm cho trái, mới lạ chứ!

- Cứ hai năm em về một lần, lần nào cũng ghé qua nhìn ngôi nhà của gia đình mình, sao mãi đến lần thứ tư này mới gặp lại anh.

- Lạ thật đấy, anh thì qua lại đây thường xuyên, anh muốn đến lúc nào cũng đến được, nhớ em quá đỗi, anh đến ngay. Có những đêm trăng anh còn vào cả sau nhà, cây trứng cá thì bị đốn rồi, ánh trăng bây giờ nằm từng vệt riêng rẽ trên cái sân xi măng, trông cô đơn lắm. Tối nay rằm, hay mình ở lại chờ trăng lên đi em.

- Dạ.

Tiếng dạ ngoan hiền ngày xưa âm âm trong trái tim người đàn ông không thay đổi. Ông im lặng một lúc cho cái âm của tiếng "dạ" như vang vào một cõi u minh.

-Cha mẹ hai bên đã mất hết rồi, chỉ có chúng mình là không bao giờ mất nhau, vì chúng mình yêu nhau quá, phải không em? Nhưng này em, cái ổ gà to tướng ở ngay đầu ngõ vào xóm mình bị lấp đi làm anh tiếc mãi. Em còn nhớ không? Cái lần anh ở đơn vị về phép, mình đi ăn kem Givral, khi về, trời mưa to, em cứ loay hoay không biết làm sao đi qua cái vũng nước nằm ngang ngõ, mà không ướt giày. Anh bế bổng em lên, bước vào vũng nước, anh đi giày nhà binh mà. Mấy người trong xóm cười trên mình, làm em ngượng quá, em cứ giẫy trong tay anh đòi xuống, anh lại càng ôm chặt, cuối cùng hai đứa ngã lăn kềnh trong vũng nước, mọi người càng cười to. Hôm đó em xấu hổ giận anh nguyên ngày, anh dỗ mãi không được. Nhưng khi anh sắp phải trở về đơn vị, tự em lại làm hòa trước, em có nhớ không, em còn nhớ không? Làm sao mà quên được, người đàn bà mặt mũi đầm đìa nước mắt, kín đáo giơ ngang ống tay áo lên chùi, không cho người đàn ông biết mình khóc, nói khẽ:

-Dạ, (người đàn bà hay dạ trước mỗi câu nói.) Bây giờ em chỉ muốn vẫn còn cái ổ gà to tướng đó, để được anh bế lội qua.

Bà nói xong cúi nhìn xuống chân người đàn ông, ông vẫn đi đôi giày nhà binh cao cổ, đôi giày mà lần đầu tiên sau ngày cưới, ông trở về từ đơn vị, bà bắt ông tháo ra ngay để bà mang vớ đi giặt, mang giày ra rửa, rồi phơi nắng. Bà còn nhớ lại cái cảm giác lúc giặt, rửa, giày vớ cho chồng, cái cảm giác nhói đau trong ngực người vợ trẻ, khi nghĩ đến một ngày nào đó không được làm cái công việc mong manh xúc động này.

Người đàn ông lại say sưa kể.

- Anh nhớ có một lần xe hư giữa đường, cái xe gắn máy lâu ngày anh không dùng đến. Khi đó, về thăm nhà, anh chẳng kịp thay quần áo, chờ em đi uống cà phê ở phố Nguyễn Phi Khanh, Đa Kao. (Có bốn ngày phép thôi mà, đã mất một ngày đi, một ngày về rồi.)Trời mưa tháng sáu, nước ngập đường, chảy không kịp, chiếc xe chết máy, mình phải gửi quán cà phê đi xích lô về. Trời ơi, anh sung sướng làm sao, một người lính quần áo còn khét mùi khói, được ngồi chung xích lô với cô vợ trẻ như chiêm bao trong một chiều mưa. Chao ôi là lãng mạn! Em nhớ không, em còn nhớ không?

Cứ kể xong một chuyện, người đàn ông lại nòng nòng hỏi. "Em nhớ không? Em còn nhớ không?"

Làm sao mà quên được, người đàn bà thắm thĩ trong đầu; "trong chiếc xích lô chật hẹp, em ngồi trong lòng anh, em ngửi được mùi tình yêu, mùi vợ chồng, mùi bồn phận, mùi què hương bốc ra từ hơi thở anh, từ bộ đồ trần trên người anh, trộn vào không gian ẩm ướt. Em lúc đó hoang mang, chẳng biết gọi cái mùi đó là gì. Sau này nghĩ lại em mới biết, đó là: "Mùi Chiến Tranh."

Ánh trăng ở thành phố này bây giờ đã mờ đi, khói xe bốc lên ô nhiễm không gian, nhòe vào vùng ánh sáng làm bóng trăng rằm trở nên âm u. Hai người im lặng đi trong bóng trăng như đi giữa một giấc mơ, người đàn bà thỉnh thoảng lại kín đáo giơ ống tay áo lên, chùi những dòng nước mắt đang nhòe vào ánh trăng trên mặt mình. Người đàn ông muốn dắt vợ vào tận trong sân nhưng người đàn bà chùn tay lại. Bây giờ đâu còn phải nhà mình nữa. Sau bốn mươi năm, mọi sự đã thay đổi; thành phố đổi tên, nhà đổi chủ, ngay chính mình cũng đã thành vợ người khác. Người đàn bà chưa dám nói cho chồng cũ biết điều đó, và người đàn ông cũng

không hỏi, hình như ông không để ý đến chuyện đó, hình như ông vẫn nghĩ mình vừa sống sót, trở về nhà, gặp lại vợ sau một cuộc hành quân. Ông nắm tay bà, vẫn bàn tay ấm áp đầy sức mạnh của một người lính. Người đàn bà bỗng nhớ (rất lơ mơ) là ở một nơi bên kia trái đất mình cũng có một gia đình, có chồng, con đang mong đợi mình (Em đi thăm Việt Nam nhanh lên rồi về nghe.)

Trăng rằm ở chốn xa xôi, nơi người đàn bà đang cư ngụ, nếu không vào đêm mưa thì rục rờ lắm, cái rục rờ làm mỗi khi bà nhìn trăng lại quên tất nhớ đến ngày xưa, người cũ.

Bây giờ đi bên người đàn ông cũ trong một đêm trăng ở quê hương, bà cúi nhìn bàn tay đã bắt đầu khô, nhăn, của mình đặt trong bàn tay khỏe mạnh trẻ trung của người đàn ông, bà bỗng thấy có một điều gì rất lạ. Người đàn ông không để cho ý nghĩ của người đàn bà đi xa quá, ông nói:

- Anh đưa em đến một chỗ này, thích lắm. Em sẽ gặp rất nhiều người thân thiết của ngày xưa. Người đàn bà cứ để nguyên bàn tay mình trong bàn tay người đàn ông, mặc cho ông đưa bà đi. Đi lâu lắm, cuối cùng người đàn ông đưa người đàn bà đến một vùng hoang địa, người đàn bà đoán thế vì trong bóng đêm, mặc dù dưới ánh trăng rằm, bà cũng thấy âm u, hoang lạnh, không đầm ấm như xóm cũ của mình. Hai người bước qua một cái cổng lớn xây gạch nhưng đã đổ nát, người đàn bà cứ phải níu chặt cánh tay người đàn ông; bước cao, bước thấp, qua những bụi gai, cỏ dại, mô đá, mô xi măng, mô đất. Thịnh thoảng người đàn ông dừng lại, hoặc cúi đầu chào những người đàn ông khác đi qua họ. Người đàn bà cũng cúi đầu chào theo, không nhìn rõ binh chủng và cấp bậc trên quân phục của họ. Cuối cùng, người đàn ông kéo người đàn bà ngồi xuống một mảng xi măng đã vỡ nhưng còn khá rộng, nói:

- Đây là nơi những người bạn của anh cư ngụ, những người ngày trước đã sinh ra, lớn lên, yêu và chết cho mảnh đất này. Nếu thịnh thoảng em có về, không gặp anh, em cũng nhớ ghé qua đây thăm họ.

Hai người ngồi im lặng trong bóng trăng đã bắt đầu nhàn nhạt, hình như mặt trời đang sửa soạn đi ra. Người đàn bà nhìn vào khuôn mặt người đàn ông cũng đang nhàn nhạt theo ánh trăng. Dưới ánh trăng mờ mờ bà ngược nhìn lên mái tóc dày xanh thẫm, cắt ngắn, vàng trán phẳng, đôi mắt buồn buồn, có mảnh trăng rơi vào loang loang như bóng nước, lòng bà quên tất. Bà tránh cặp mắt, nhìn xuống bộ quần áo ông đang mặc trên người. Bộ quần áo nhà binh, tối xẫm vào bóng trăng thành màu xanh đen, nhưng cái hoa mai gắn trên vai vẫn đang lấp lánh, bà nhìn xuống đôi giày nhà binh, rồi nhìn vào từng vệt sáng của trăng trên mặt đất hoang vu, đổ nát của một thành phố đổi chủ. Bà nhớ lại dần dần, về mình, về người đàn ông, về ngôi nhà của cha mẹ mà hai vợ chồng mới cưới còn ở, chưa kịp ra riêng. Bà nhớ là mình lúc đó trẻ lắm, có một người chồng trong quân ngũ như hầu hết những cô gái trẻ ở thời gian đó, ở quê hương đó. Chao ôi! bà bỗng nhớ ra tất cả:

Người đàn ông đó chết rồi, chết rất trẻ; chết thế nào, cách nào bà không biết rõ, nhưng anh chắc chắn đã chết như một người lính chết cho quê hương.

Những người lính cũ

Hai người phụ nữ chờ nhau trên chiếc xe gắn máy đi vào thành nội Huế, dưới cơn mưa đầu tháng 11. Nước ngập ngang xe, người chở xe là một Ma xơ trẻ, quay đầu lại nói với người ngồi phía sau:

- Cô à, mình xuống dắt xe đi bộ, kẻo nước vô trong máy xe, tắt máy bây giờ thì khổ lắm.

Cả hai xuống xe, trời tối, mưa trên đầu, nước lụt ngang bắp chân, hai người đàn bà vừa đi vừa tìm số nhà.

Ma xơ, người địa phương, còn trẻ lắm, và tôi đến (hay về) từ một nơi bên kia địa cầu. Ma xơ chắc đã quen với mưa lũ, và đường phố nên đi nhanh hơn trong khi tôi vừa lạnh vừa dò dẫm trong nước, bước hụt vào một cái ổ gà hay vấp vào vỉa hè, chao đi xuyt ngã mấy lần. Cuối

cùng chúng tôi cũng tìm được số nhà muốn tìm. Có người đàn bà đang tát nước ra ngoài lối đi. Tôi hỏi bà:

- Thưa có phải nhà của ông Hồng không ạ?

- Dạ phải, mời bà vào.

Bà mở cổng, chúng tôi vào một lối đi dài, bên phải là mặt chính của nhà, bên trái có năm ba bụi cây cao thấp, trời tối quá không nhìn rõ những chiếc lá, bóng tối làm bụi cây trông như những cái dù to màu đen. Bà chủ nhà như được báo trước sẽ có khách, mời khách đi thẳng vào cuối nhà, chỉ tay lên chiếc gác lửng:

- Em tôi ở trên đó, bà cứ leo lên.

Bà nói xong đi ra, tiếp tục cúi xuống tát nước từ trong nhà ra ngoài đường. Ma xơ ở bên ngoài trông xe, tôi đứng tần ngần nhìn chiếc cầu thang, rồi rụt rè leo lên những bậc gỗ nhỏ. Một người đàn ông đang ngồi trên đó đón tôi bằng khuôn mặt rạng rỡ:

- Em có nhận được phen từ hai hôm nay ở Sài Gòn, nói là sẽ có người ở bên đó đến thăm (Anh dùng chữ *bên đó* để chỉ người ở nước ngoài về).

Tôi xin lỗi đến trễ một hôm, tôi đã lỡ chuyến máy bay Sài Gòn-Huế hôm trước vì phi trường Phú Bài ngập nước, máy bay không hạ cánh được và chúng tôi mới đến chiều nay. Sau khi lấy phòng ở khách sạn tôi đã may mắn nhờ ngay được một Ma xơ còn trẻ, nhanh nhẹn tìm nhà hộ, nếu không thì chắc sáng mai mới tới được.

Tôi ngồi xuống sàn gác đối diện với anh, hai chân tôi vướng vú vì dài quá và ống quần bị ướt sũng. Trước mặt tôi là người đàn ông trung niên, khỏe mạnh, tươi tỉnh, cụt cả hai chân sát đến thân, ngồi giữa những đồ dùng cá nhân của anh, tôi không nhìn kỹ và nhớ anh có những gì chung quanh, hình như có mấy cuốn sổ lớn nhỏ, cái bình thủy, bình trà, cái radio, quần áo, chăn gối và cái điện thoại cầm tay. Thế giới của anh thu gọn trên gian gác khoảng ba thước vuông. Người lính Thủy Quân Lục Chiến này, không may mắn bị thương tháng 1 năm 1975. Vì mất cả hai chân nên anh không "được" đi cải tạo, vì không được đi cải tạo nên anh không vào được danh sách H.O. Tôi hỏi thăm gia cảnh, được biết anh ở đây với gia đình người chị, anh bị thương khi còn trẻ quá chưa có cơ hội lập gia đình. Anh cho tôi một danh sách của những người bạn cùng hoàn cảnh như anh, so với danh sách tôi nhận được ở Sài Gòn thì có một vài tên khác nhau. Anh nói, phải cẩn thận vì có thể họ không phải là những người Thương Phế Binh thật. Tôi nói, không sao cả miễn là những người này cần được giúp đỡ. Tôi chia tay anh, hẹn trưa ngày mai sẽ gặp mặt mọi người. Anh cầm điện thoại, mở sổ, liên lạc ngay với các bạn, giọng anh dồn dập, gọi từng người:

-Trưa mai, 1 giờ nghe, đến nhận quà, có người bên đó qua thăm.

Tôi và Ma xơ lội nước về khách sạn. Tin tức khí tượng cho biết cơn lũ vẫn tiếp tục dâng. Lũ năm nay là lũ ngậm, có nghĩa là hết cơn nọ, tiếp cơn kia, nên nước không rút kịp, cứ giữ hoài một mực ở những nơi trũng và ở sông Hương. Nước sông Hương đục ngầu vì pha đất bùn. Cả thành phố Huế gầy gò, run rẩy trong mưa lũ, tôi đi ngủ thấy mình bồng bênh trong câu hát *Quê hương em nghèo lắm ai ơi! Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn. Trời hành, Trời làm cơn lụt mỗi năm....*

Cả đêm trời mưa, đến sáng đổ xuống một cơn mưa lớn, nước trôi phẳng phẳng trên đường Đống Đa, trước cửa khách sạn. Tôi mặc áo dài, trùm áo mưa, búi rối lội nước đi lễ ở nhà thờ Dòng Thánh Tâm trên đường Phan Đình Phùng, đi trong nước và gió, tưởng như sắp bị cuốn xuống con nước sông Hương đã dâng mấp mé mặt đường. Nhưng may quá, đến trưa mưa tạnh, nước rút bớt ở một vài con phố. Tôi nhờ Ma xơ chờ lại căn nhà hôm qua.

Đến nơi tôi thấy ở gian trước, đã có năm bảy người đàn ông đang ngồi chung quanh chiếc bàn nhỏ chờ tôi tới. Mới thoáng nhìn tất cả mọi người, tôi biết ngay là họ phải có thân nhân chờ tới chứ không thể tự di chuyển được. Thấy tôi đến họ búi rối không biết mời tôi ngồi đâu, tôi đề nghị ngồi cả xuống sàn nhà cho rộng, tôi bỏ giày vào ngồi chung với họ. Ngồi trước mặt họ, tôi thấy có điều gì không ổn, hình như đối với những người đang quây quần nơi này, tôi là người dị tật. *Tôi dư hai cái chân.* Tôi lúng túng không biết để hai cái chân thừa này vào đâu. Bảy người bạn này, không ai có chân cả, có người lại mất thêm một cánh tay, có một người mù.

Chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi hỏi han từng người. Các anh cho biết, phần đông bị thương ở Mùa Hè Đỏ Lửa (1972), có người bị thương ngay đầu năm 1975, lúc đó đang nằm ở Quân Y Viện bị đuổi ra đường. Tôi ngập ngừng hỏi:

-Làm sao mà các anh sống còn cho đến bây giờ, nhất là trong thời gian những năm ngay sau ngày 30 tháng 4.

Các anh cười (đặc biệt lúc nào họ cũng có nụ cười trên miệng)

-Khổ lắm chị ơi! Nhưng chúng em nhất định sống, người thì nương vào vợ con, người thì nương vào cha mẹ, anh chị. Thế rồi chúng em cũng qua được hết. Vài năm mới đây, các anh em ở Saigon nhận được quà của các anh chị bên đó gửi về trước, rồi đến chúng em ở Huế. Mỗi lần lễ tết chúng em có quà cũng có bữa tiệc nhậu nhẹt với nhau, vui lắm, nhưng vẫn phải giữ gìn, kín đáo.

Anh cụt một tay, đưa mẫu tay cụt gần đến khuỷu ra khoe với tôi.

-Em không có hai chân, cụt một tay em vẫn làm thợ lò rèn được, em cuốn dây thép ngay vào chỗ này, để cái phần thép dư ra trên cái đe, tay còn lại em cầm búa đập cho dẹp ra. Cũng kiếm được hai chén cơm một ngày.

Tôi không nói được câu nào, nhìn xuống phần quắt queo của cái tay gãy, tưởng tượng ra sợi thép to bản quấn nghiền vào đó, ngậm ngùi, thán phục.

Đang nói chuyện thì có một anh đi xe lăn đến, anh bị liệt từ lưng trở xuống. Anh không xuống xe, anh ngồi yên trước cửa nhà. Cũng không thấy ai có ý đỡ anh xuống đất ngồi. Anh nói ít, nét mặt buồn buồn, những người bạn khác cho biết. Anh phải nhờ giúp đỡ hoàn toàn về lên, xuống xe, làm vệ sinh, vì anh không thể nào tự đứng lên trên hai chân được. Tụi em tuy cụt cả hai chân, nhưng lê trên hai móng và khỏe hơn anh, nên tự túc vệ sinh cá nhân được.

Tôi ngồi ngắm họ, tám người đàn ông này, vào năm 1975 họ còn trẻ lắm (Người lớn tuổi nhất sinh năm 1939, người trẻ nhất sinh 1954) họ mất cả hai chân, có anh còn mất thêm một cánh tay, có anh vừa không chân vừa mù. Làm sao mà họ sống còn được với cơn lốc hậu chiến!

Ngay cả người lính còn đủ mắt, mũi, chân tay đã điều đứng lấm rồi!

Vậy mà sau bao nhiêu khổ nhục họ vẫn tìm đến nhau, dựa lưng vào nhau để tồn tại.

Đây là những câu thơ họ viết cho nhau đọc:

*Tháng tư gãy súng hao gầy
Vòng tay khói thuốc tháng ngày hư hao (Hồng Trần)
Cũng đôi lần đi qua đường cũ
Núi rừng xưa loang lổ chừ đã xanh cây
Rừng xanh lá còn đời tôi héo úa
Cũng đôi lần đi qua thành phố cũ
Vết chiến tranh chừ đã tân trang
Phố vươn mình thay da đổi thịt
Riêng đời tôi cứ mãi cơ hàn
(Nguyễn Nghệ)*

Tôi thương cảm và kính phục họ, trong hoàn cảnh khốn cùng nhất, bằng cách nào đó, họ vẫn đứng vững (không cần chân) và duy trì được tinh thần đồng đội, thái độ bất khuất của những người lính.

Tôi tặng mỗi người một phong bì, một phần thuốc bổ. Khi tôi trao vào tay từng người món quà nhỏ đó lòng tôi thật rưng rưng, nước mắt ứa ra (mặc dù tôi cố cầm lòng)

Tôi không biết mình muốn nói lời gì để cảm ơn những người lính này? Họ là dấu tích, là niềm tự cao của một thời hòa bình bên này; hay là huy chương, là tinh thần anh dũng của một thời chiến tranh bên kia. Người Việt Nam đứng ở hai bên vĩ tuyến 17, xác định bên này, bên kia theo tiêu chuẩn nào?

Tôi trao đổi địa chỉ với những người bạn mới này, xin số phân liên lạc và danh sách của những anh em ở Quảng Trị. Khi ra về, tôi hứa sẽ không quên họ (?)

Sáng hôm sau trời vẫn còn mưa tầm tã, tôi liên lạc, hẹn gặp được với anh Sự ở Quảng Trị và thuê xe đi La Vang, Quảng Trị. Trên đường từ Huế ra La Vang nước sông dâng cao, có chỗ mấp mé mặt đường, có chỗ ngập tràn tóe nước trên bánh xe chạy. Nhà cửa ruộng vườn hai bên ở thụt xuống nên nước ngập cao cả thước, thỉnh thoảng có một chiếc thuyền chở mấy đứa nhỏ từ trong nhà lên mặt đường, chúng ướt như mấy con thỏ nhỏ vừa bị tuột lông, trông thương quá! Giữa vùng nước bát ngát tôi đọc được trên một tấm bảng dài, sơn đỏ, kẻ chữ vàng : "*Việt Nam Dân Chủ Ấm No Quang Vinh Hạnh Phúc*" Tấm bảng đứng ngơ ngáo như một kịch sĩ ra trình diễn không đúng lúc.

Trận Mùa Hè Đỏ Lửa, ngôi giáo đường La Vang bị tàn phá nặng nề, tượng Đức Mẹ thương tích đến xót xa. Tôi đứng trước tượng, bức tượng nhợt nhạt trong mưa, những thương tích còn y nguyên, đôi mắt Mẹ buồn bã cúi nhìn. Tôi biết Đức Mẹ đã hiểu lòng tôi, tôi không cầu nguyện gì riêng cho mình cả, tôi đã *dur đến hai cái chân*, làm sao dám xin thêm một thứ gì nữa.

Tôi cũng ngạc nhiên là mình không bị cảm lạnh này. Lại đi trong mưa, trong gió, ghé vào Quảng Trị. Vùng đất Quảng Trị nơi người dân Việt có cuộc sống hẩm hiu nhất, vừa nghèo, *Chó ăn đá gà ăn muối*, vừa hứng chịu những trận đánh khốc liệt. Nơi mỗi tấc đất đều thấm máu người trong thời chiến tranh huynh đệ.

Anh Sự hẹn tôi ở khúc đường, cách cầu Thạch Hãn 200 thước, anh đứng trong mưa, trùm chiếc áo mưa đỏ cho dễ nhận. Khi xe dừng lại anh cho biết đã hẹn những anh khác đang đến. Trời vẫn đổ mưa, không vào nhà anh Sự ở sâu trong ngõ được, tụ tập ngay ở quán cà phê bên đường, quán này cũng lại vừa là một cái chợ nhỏ, có người mặc chiếc áo mưa vàng, trên lưng in chữ CATP ghé vào. Anh Sự hơi lộ vẻ lo lắng trên mặt, chữ đó có nghĩa Công An Thành Phố, nhưng ông công an này chỉ ghé vào mua một trái mướp nhỏ trong khi đang công tác, rồi đi.

Lần lượt những chiếc xe ôm thả tám người vào quán. Tôi theo họ vào, họ không mất hai chân như các anh ở Huế, nhưng mỗi người có một bàn chân gỗ thò ra dưới ống quần nhàu nhĩ. Họ trông thảm hại, thiếu thốn quá! Chắc lúc khô ráo đã thảm hại rồi, mưa ướt còn làm tăng thêm nỗi nghèo khổ. Họ không được lạc quan như các anh ở Huế, có anh mang theo cả Chứng Minh Thư có số quân của ngày tháng cũ. Tôi thấy đau lòng quá. Tôi cũng chẳng nói gì với họ được lâu, vì còn phải quay lại Huế, trời thì mưa, lạnh, chỗ đứng trong quán chật hẹp, người ra vào mua bán, và hình như họ cũng không dám tụ họp lâu. Trông họ bần chòn quá! Tôi ghi tên họ xuống (chỉ lấy tên, không lấy họ) Có hai thanh niên trẻ đi nhận quà cho cha mình. Tôi có địa chỉ và điện thoại của anh Sự rồi. Tôi hứa với lòng là sẽ gọi một vài người bạn rất thân ở ngoài nước giúp những người bạn trong nước này có cái quần, cái áo ấm hơn trong những ngày mưa lụt, có miếng thịt miếng cá to hơn trong ngày lễ tết.

Khi quay xe ra về, tôi nói anh tài xế cho tôi ngừng lại ít phút ở cầu Thạch Hãn. Nơi đây Mùa Hè Đỏ Lửa đã là mồ chôn của bao nhiêu người lính của cả hai miền Bắc Nam.

Một tượng đài được dựng ngay bên cầu Thạch Hãn có mô hình những giọt máu đỏ đang chảy xuống. Tôi hy vọng khi treo những giọt máu này lên tượng đài, ai đó đã hiểu là những giọt máu này không phân biệt Bắc Nam, và chắc chắn một điều, nước dòng sông Thạch Hãn đã hòa máu, nước mắt của dân, quân cả hai miền.

Anh tài xế nói, vụ đánh mùa hè 1972, nơi đây không còn gì sót lại. Không nhà, không chó, không mèo, không người, một vùng đất chết. Tôi nhớ đến câu thơ của Giuseppe Ungaretti (Thi Sĩ Ý 1888-1970) viết về một ngôi làng bị tàn phá trong chiến tranh. Những bức tường bị cào nát, người thân chết hết. Không còn gì cả ngoài thánh giá trong tim *But in my heart/No cross is missing/ My heart is the most tortured village* Trái tim tôi là một ngôi làng bị tra tấn nặng nhất.

Tôi trở về Mỹ mang theo hình ảnh và địa chỉ của những người lính cũ. Trái tim tôi có phải là một ngôi làng đang được chúc phúc hay không?

Paris và Metro

Buổi chiều về đến nhà sau hơn hai tuần đi xa, hàng cúc sát chân bức tường đá trước thềm nhà nở vàng dấm, thơm ngát cả buổi chiều, như có ai rót rượu cúc xuống thềm mừng người trở lại. Nhớ khi đi thực được đang nở, cúc mới ra nụ như những khuy áo nhỏ. Bây giờ những khóm thực được đã chín nẫu, cúi gập xuống vì giá tháng mười nhường chỗ cho hoa cúc. Bao giờ cũng vậy, đi xa về nhìn lại căn nhà của mình sao thấy nó ấm áp, thân mật thế! Mở hai cánh cửa ra là bước vào lại cái thế giới đời thường, rất riêng tư của mình. Bao nhiêu việc sẽ phải làm sau cánh cửa! Cứ để đó, từ từ, cái âm vang của đường xa còn tung những hạt bụi lạ trong lòng ngực.

Những chuyến metro chật ních người suốt ngày. Thả xuống, nhận vào mỗi trạm những màu da, ngôn ngữ, vóc dáng khác nhau. Họ hối hả chen vai, lấn chỗ, im lặng, lạnh lùng, thân thiện, cho một nụ cười lạ, một nét lạnh tanh trên mặt, nhìn nhau đăm đăm, ngoảnh mặt, dựa sát, vuốt ve, hôn nhau, tất cả đều bắt được trong cái nhịp rập rình, chao đảo của con tàu. Có cả tiếng đàn, tiếng hát bắt chợt bước vào ở một trạm nào đó, một cái ly giấy nhàu nhĩ đưa ra xin tiền sau tiếng nhạc cuối, rồi lại biến mất ở trạm tới. Mỗi trạm metro là một bức tranh minh họa đời sống thường nhật của dân Âu Châu. Họ nôn nả vào, nôn nả ra như những con lật đật, vì metro là phương tiện di chuyển chính. Đến sở làm việc, đi khám bệnh, đi học, đi mua sắm, đi đến nơi thương lượng buôn bán, hẹn hò với tình nhân, đều bước vào sau cánh cửa toa tàu, nắm chặt lấy thanh sắt, ôm cái túi, cái cặp sát vào ngực, chăm chú đếm từng trạm tàu dừng lại, sửa soạn sẵn một chỗ đặt chân để bước ra. Một người rời ghế đứng lên, có ngay một người khác thế vào.

Metro (nhất là ở Ý) còn hay bị các họa sĩ tài tử viết (graffiti) kín cả cánh cửa, có khi xịt sơn lên, hành khách đứng ở trong không nhìn được tên trạm để xuống. Họ viết những nhit, bản thiêu làm xấu xí cả những toa tàu.

Du khách ở phương xa tới cũng hòa nhập vào cái dòng xuôi chảy đó. Bỗng thấy nó nên thơ vô cùng. Có lẽ vì nó lạ, nó đông đảo hơn một chuyến bus ở bên địa phương mình, vì trên metro ở Paris và ở Rome có nhiều màu da, và nhiều tiếng nói khác nhau. Tạo nên một cộng đồng đa văn hóa ngay trong lòng toa tàu. Đi chơi không phải hấp tấp đúng giờ, và tự cho mình cái thú đi lạc. Sá gì, đi quá một trạm thì quay lại. Cứ quần *jeans*, giày vải, ba lô, đi cả ngày không mỏi. Lang thang xuống phố, đi thăm các nơi nổi tiếng, ngồi uống cà phê vỉa hè, gặm bánh mì *jambon fromage*, lại tìm xuống trạm metro, lại cầu thang cuốn lên, cầu thang cuốn xuống, hoặc bước mấy chục bước cầu thang chân, cúi nhìn xuống lòng con đường sắt, đợi nghe tiếng bánh nghiền vọng lại, nhìn thấy con tàu lừng lững hiện ra ở đường hầm. Tàu tới, chui vào toa tàu, nắm chặt cái cột giữa toa, nghe tiếng rung chuyển của thân tàu trên đường sắt, nghe va chạm vai, hông vào những người lạ hoắc, đọc thơ Tế Hanh trong đầu:

*Bánh nghiền lăn lăn quá nặng nề
Khói phi như ghen nổi đầu tê*

Tàu bây giờ không có khói phun ra ở đầu tàu, vì metro chạy bằng điện, không còn bằng than đá như ngày xa xưa đó nữa. Chưa đọc xong bài thơ là đã đến trạm xuống, đành hấp tấp chen vai, hích khuỷu tay bước ra, để rơi lại những câu thơ xuống sàn tàu, trên vai áo những người vừa đứng cạnh. Đi lang thang tiếp tục, xem nơi này, thăm chỗ kia, ghé nhà hàng ăn chiều, vang đỏ, vang trắng mời nhau. Paris về đêm hay Rome về đêm đều đẹp và trữ tình như nhau. Cứ lang thang đường này sang đường khác, từ khu phố cổ ở Paris hay khu công trường thánh Peter ở Rome cho đến khi bốn bàn chân mỏi (thật ra chỉ có hai bàn chân nhỏ mỗi thôi, còn hai bàn chân lớn đi suốt sáng vẫn được.) Đành trả lại những mối tình của các ông hoàng, bà chúa trong cung điện Versailles cho những căn buồng ngủ thêu vàng dát ngọc. Trả lại bà hoàng

Cleopatra, một bà hoàng làm khuynh đảo cả hoàng triều Rome trong hai mươi năm cho Julius Caesar. Khách du lịch dật nhau tìm xuống đường hầm lên metro về khách sạn. Metro đêm tương đối vắng hơn. Giờ tan tầm đã đi qua, lên toa hầu như ai cũng có chỗ ngồi. Lúc này là lúc những cặp tình nhân tự do ngồi vào lòng nhau hay đứng ve vuốt nhau trước mặt khách đồng hành. Dưới ánh đèn sáng trưng, tàu cứ rập rình, môi hôn cứ gấn, bàn tay cứ đặt vào những chỗ khó đặt nhất. Không sao cả! Chỉ có du khách là trở mắt ra nhìn, còn dân địa phương thì quen lắm rồi, trên chuyến tàu khuya họ hấp tấp về nhà, nhìn làm gì cho mỗi mắt.

*Một con đường sắt trăm con tàu
Mưa nắng sớm trưa hay chiều
Người nhớ người thương người yêu
(Y Vân)*

Xuống tàu rồi, còn ngoái đầu quay lại, nhìn con tàu mất hút trong đường hầm. Đẹp và buồn! Mùa thu Paris chỉ se se gió. Những hàng cây không chín đỏ, vàng muôi như những thành phố ở miền Đông hay Bắc Mỹ. Lá ngô đồng (platane) ở Paris chỉ úa vàng, khô, rồi cong lại và rơi xuống. Du khách bước vào vườn Luxembourg với một chút thất vọng trong lòng. Bài văn tả cảnh lá rơi trong vườn Lục Xâm Bảo thời xa xưa sao mà đẹp thế! Bây giờ cũng mùa thu, cũng lá ngập trong vườn nhưng sao không thấy cái rục rờ của thu, chỉ nhìn thấy mấy chiếc ghế bỏ không, những hàng cây chết, mấy người luống tuổi ngồi uống bia trong một cái quán ở giữa vườn. Màu nâu buồn bã của lá khô vun thành từng đống chưa kịp đốt đi, những cái thùng rác bằng những túi ni lông trong suốt máng vào một cái vòng sắt, trông thấy hết cả rác bên trong, rất thiếu thẩm mỹ. (Người bạn đi cùng cho biết để nhìn rõ những vật lạ - nếu có- của quân khủng bố) Phóng tầm mắt nhìn bao quát một vùng, lá vàng ở đây hiu hắt quá! Người vào vườn ngày cuối tuần cũng thưa thớt. Du khách đi từ gốc cây nọ sang gốc cây kia, hàng cây Hạt Dẻ (*Maronnie*) lá còn xanh nhưng lại héo quăn từng góc, hỏi người quét vườn thì được biết nhiều cây này đang bị bệnh, chết từ từ mà chưa kiểm ra nguyên nhân. Bỗng thấy thương và tiếc như vừa đánh mất một thiên đường trong cổ tích. Chắc từ nay hết mơ mộng về cái vườn này.

Anh nhật cho em một chiếc lá vàng rơi trên lưng người homeless được không?

Con thuyền đi dọc theo dòng sông Seine, cô hướng dẫn *tour* nói tiếng Anh bằng giọng Pháp nên nghe rất dễ thương. Trời hôm nay đẹp, ngồi trên boong lộ thiên không thấy lạnh, thuyền trôi trên sông nhưng gió không mạnh lắm. Dọc theo hai bên bờ thỉnh thoảng lại thấy những cái túi ngủ. Có cái như con sâu cuộn, tòi ra một cái đầu, có cái chum lên một người đang ngồi co ro hút thuốc. Hình ảnh này mỗi khi *Đưa nhau xuống phố hôm nay* rất quen thuộc ở Mỹ.

Dòng sông Seine nổi tiếng của Pháp chảy qua thành phố Paris là con đường giao thông chính của nước Pháp thời xa xưa, đi *bateau- mouche* (gọi là thuyền ruồi, vì trên cao nhìn xuống trông giống hệt một con ruồi khổng lồ)) dọc theo sông nhìn ngắm được hết những phong cảnh ngoạn mục và những di tích nổi tiếng của Paris như Tour Eiffel, Grand Palais, Concorde, Musée du Louvre, Musée d'Orsay và Notre Dame v.v. Đặc biệt là những cây cầu cũ kỹ còn lại rất nhiều bắc qua dòng sông này. Các họa sĩ danh tiếng như Pierre Renoir, Alfred Sisley, Claude Monet và Vincent Van Gogh đã đem những giá vẽ đặt dọc theo bờ sông, họ pha màu, rửa cọ ở đây làm cho dòng sông Seine càng thơ mộng và nổi tiếng hơn. Sông Seine là linh hồn và trái tim của Paris, nơi gìn giữ những kỷ niệm tuổi trẻ của người dân Paris và là nơi du khách để lại trái tim mình.

Vì ảnh hưởng văn hóa Pháp ở Việt Nam nên người Việt dù có đến Paris lần đầu, hay đến nhiều lần đều có cảm tưởng nơi này rất thân quen với mình. Mỗi nơi ta đến hình như cái tấm ảnh trong một cuốn sách xa xưa, hay một cái tên nào đó trong ký ức lại hiện ra: Montmartre với hương cà phê, khói thuốc, ngồi xuống cho họa sĩ vừa vẽ vẽ vợ một tấm chân dung của khách phương xa, Quartier Latin, Quartier Sorbonne, Quartier Saint Michel là những nơi lang thang thơ mộng nổi tiếng của sinh viên, Quận 13 của người Á Châu, Panthéon hầm mộ của những vĩ nhân tổ quốc ghi ơn, nơi ta đến để đọc lại những cái tên ngày xưa đã học như Victor

Hugo, Marie et Pierre Curie, Jean Moulin, Voltaire v.v hay tên tuổi một thi sĩ, họa sĩ, văn hào nào đó được đọc lại trong đầu. Nếu cứ tả hết những nơi thăm viếng thì e rằng bài viết này sẽ dài thêm mấy trang nữa.

Nhưng đến Paris mà bỏ quên Chevreuse Valley du khách sẽ thiệt thòi lắm. Chevreuse cách Paris 30 cây số về phía tây nam. Du khách sẽ thấy nhánh sông Yvette chảy qua Saint Michel vào Chevreuse, dưới những cái cầu gạch nhỏ thật là thơ mộng. Cây cỏ mùa thu bắt đầu úa vàng hai bên, những lẵng hoa đồng đưa bên thành cầu, đường làng thanh vắng, tiếng chó sủa băng quơ, nhìn xuống bên dưới thấy có những bậc gạch được xây mấp mé dòng nước, một cái bảng đề: *Nơi đây ở thế kỷ 17, những người thợ thuộc da đến nhúng những tấm da sống (cowhide) trong dòng nước này.* Chắc ngoài những người thợ đó du khách cũng có thể tưởng tượng thêm mấy cô thôn nữ hái nho, hái táo cũng ra đây giặt áo. Chevreuse Valley mà chung quanh nó một diện tích khoảng mười sáu, mười bảy dặm vuông Abbaye de Port-Royal des Champs có nhiều giáo đường và tu viện đã bị vua Louis XVI ra lệnh phá hủy tất cả, giết hoặc xua đuổi những nữ tu ra ngoài đời vào năm 1711, bây giờ chỉ còn sót lại một phần rất nhỏ kiến trúc phía ngoài của *Les Granges* (là kho chứa cỏ, ngũ cốc) Thời đó là nông trại nuôi sống cả abbaye Port-Royal đông đúc, náo nhiệt trước khi bị hủy diệt. Hiện *Les Granges* dùng làm viện bảo tàng và một cái nhà vòm trước xây để nuôi chim hòa bình đưa thư gọi là *dovecote* cũng còn tồn tại. Du khách bước vào nhà vòm này, ngừng mắt nhìn lên tháp cao sẽ thấy những cái tổ chim còn sót lại, những con chim được nuôi để làm nhiệm vụ đưa thư hồi đó, đã bay mất hút vào vòm trời xanh biếc với những tờ thư trên mỏ. Chúng đã giao thư vào một địa chỉ mây. Nói đến Port-Royal des Champs du khách cũng nên nhắc đến câu nói bất hủ của Blaise Pascal *"Le silence éternel de ces espaces infinis m'effraie - Sự thinh lặng vĩnh hằng của không gian vô tận làm tôi sợ hãi"* trong *PENSÉES*, một cuốn sách bạn bè in cho ông sau khi ông mất (tập hợp những đoạn văn, những câu rời rạc bị gạch xóa, tẩy bỏ... của Pascal) Pascal đã một thời ẩn thân trong Port-Royal des Champs như một *hermit* (ẩn sĩ) thời đó hơn là tu sĩ, ông sống trong tinh thần của một Nguyễn Công Trứ - *Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ...*

Du khách cúi xuống thả một mảnh tim mình trên nhánh sông Yvette. Bỗng nhớ đến sông Tiền, sông Hậu ở một quê nhà xa lắc, nơi những chiếc thuyền máy chở du khách đi dọc theo bờ, ghé vào từng trạm để chứng kiến đời sống mộc mạc hiền lành của người dân quê miền Nam, nơi những em bé lên mười vừa biết trồng em, vừa biết phụ giúp cha mẹ làm bất cứ việc gì để kiếm được hai bữa cơm một ngày, hai bộ quần áo một năm và có tiền đóng học phí hàng tháng.

Trôi đi! Trôi đi sông ơi!

Cái nịt ngực

Tôi kể cho bạn nghe chuyện này lạ lắm.

Một hôm ở trong chợ cho tay vào bóp tim tiền trả, tôi bỗng ngạc nhiên chạm tay vào cái nịt ngực, xem chút nữa thì lòi nguyên cả nó ra trước quầy trả tiền.

Tôi vội vàng ấn nó xuống thật sâu, rồi hấp tấp ra xe, chút nữa thì quên cả trả tiền. Nghĩ mãi không ra tại sao lại có cái nịt ngực trong bóp. Tôi tự hỏi:

Từ trẻ đến giờ mình có tháo cái nịt ngực ở trong xe bao giờ không nhỉ?

Đôi khi hấp tấp đi đâu tôi quên mặc nịt ngực, hoặc có khi ở nhà, tôi tháo nó rồi bỏ quên trên bàn làm việc hay ở phòng gia đình nhưng không hề bỏ nhầm vào bóp bao giờ.

Băng đi một thời gian của tháng năm nào không rõ, một hôm tôi hút bụi cái xe của riêng mình, tôi tìm thấy ở dưới sàn băng sau cái nịt ngực bằng ren mỏng, hiệu Chantelle của Pháp, loại này chỉ bán ở trong Passage Eden, Sài Gòn vào thập niên 60.

Tôi quăng máy hút bụi xuống đất, chạy vào trong nhà, trên tường một tấm lịch in ngày tháng của năm 1965 đang đưa qua lại.

Gặp

Họ vô tình gặp nhau qua e-mail của một người bạn khác, bắt đầu chỉ là trao đổi những bài viết, về sau thành bạn.

Người phụ nữ theo như lý lịch khai ra với người đàn ông thì bà ngoài 50 tuổi và người đàn ông thì nói là y còn rất trẻ, kém bà đến 19, 20 tuổi. Khi trao đổi thư từ họ nhất định không gửi ảnh, không gọi điện thoại. Thỉnh thoảng khi viết thư người phụ nữ vẫn hỏi, “Sao anh còn trẻ mà tư tưởng già thế?” và đôi khi người đàn ông trẻ hỏi lại, “Sao bà viết văn như một người mới vào ba mươi vậy?” Nói như thế với nhau nhưng họ rất tâm đầu ý hợp.

Sau hơn một năm liên lạc với nhau qua cái màn ảnh trắng nhỏ đó, họ quyết định gặp nhau. Người phụ nữ nói:

- Tôi sẽ sang bên tiểu bang anh, anh ra phi trường đón tôi, tôi mặc một cái skirt đen dài, cái áo sơ mi màu xám tro.

Người đàn ông trẻ dặn lại:

- Tôi mặc quần jeans, áo sơ mi xanh có kẻ sọc. Cứ yên tâm, thế nào tôi cũng nhận ra bà. Tôi sẽ lấy phòng cho bà ngay ở down town để tiện đi thăm thành phố.

Chuyến bay đến đúng giờ. Mọi người lấy hành lý đã ra về hết.

Ở hai đầu phòng đợi, có một người đàn ông luống tuổi, tóc trắng phau, mặc quần jeans, áo xanh sọc ngồi chờ và một thiếu phụ rất trẻ, váy đen dài, áo sơ mi lụa xám, hở cổ, với hai cánh tay tròn lẳn, trắng muốt cứ đi tới đi lui trông ngóng.

Họ nhìn thấy nhau nhưng hình như họ từ chối nhận ra nhau.

Một nửa người đàn ông

Cô chăm chú sửa lại bản thảo của cuốn tiểu thuyết một lần chót, trước khi mang sang nhà in. Làm công việc sửa đổi văn chương bản thảo cho nhà xuất bản, không lúc nào mà cô rảnh rỗi được. Trong tháng này có 5 cuốn truyện dài sẽ được in, cả 5 cuốn đều là sách của tác giả có sách xuất bản lần đầu.

Cô nghe tiếng gõ cửa, rồi chiếc đầu của người tùy phái ló vào.

“Thưa cô, có một bà muốn gặp cô”

“Ai vậy, ông có hỏi tên họ tôi không?”

“Tôi có hỏi, bà ấy nói tên là Lan”.

Cô cố nhớ tên của các tác giả mới trong đầu. Không có ai là Lan cả, họ đều là phái nam. Cô nói với người tùy phái;

“Ông mời họ bà Lan vào văn phòng ngoài đó, tôi sẽ ra. Cũng sắp đến giờ tôi đi ăn trưa rồi.”

Đợi cho người tùy phái khuất sau cánh cửa, cô quay điện thoại gọi anh.

“Hôm nay em muốn đi ăn mì ở Hải Ninh, em sẽ đến đó độ 20 phút nữa, em có một người khách đang chờ. Nhưng em sẽ tiếp họ 5 phút thôi.”

Người đàn bà khoảng ngoài 40 tuổi, ăn mặc giản dị nhưng lịch sự, nét mặt khô nhưng trí thức. Bà ta ngồi yên không đứng lên khi cô xuất hiện. Cặp chân mày hơi cau lại một chút, bà chờ cô tự giới thiệu trước.

Cô hơi khựng lại một giây, nhưng tự chủ được ngay, cô quen với những người đến gặp cô để nhờ vả, nên cô hỏi với giọng không được vồn vã lắm:

“Tôi là Tâm, bà cần gặp tôi có việc gì?”

Người đàn bà nhìn thẳng vào mặt cô, nói chậm và ngắn.

“Tôi là vợ của ông Minh.”

Cô đứng lặng, nghe như có một đường nước mưa lạnh vừa chảy từ cổ áo xuống lưng. Cô biết chuyện này rồi thế nào cũng đến, nhưng cô không thể đoán trước là nó đến vào buổi trưa hôm nay. Cô biết rất rõ mình phải nói gì với bà Lan. Cô lấy lại bình tĩnh, kéo một chiếc ghế ngồi đối diện với vợ của người yêu mình (hay người mình yêu, cũng thế.)

Cô ngồi yên, thờ một hơi thật sâu, quan sát một bà vợ. Vợ của người đàn ông mình đang liên hệ. Cô muốn biết chắc người đàn bà này sẽ hiểu những điều mình sắp nói.

Cô đi thẳng vào vấn đề hộ người đàn bà.

“ Chắc bà đến đây để cho tôi biết là anh Minh đã có gia đình. Thưa bà, tôi biết điều này đã lâu. Và không bao giờ tôi có ý định kéo anh Minh ra khỏi gia đình của anh ấy.” Cô nói luôn một hơi dài.

Người đàn bà ngạc nhiên về sự bình tĩnh của cô, bà ngẩn ra một lúc ngấm tình địch của mình. Trước mặt bà là một phụ nữ trẻ (chắc chỉ lớn hơn con gái lớn của bà bốn, năm tuổi.) Hai con mắt sáng trên một khuôn mặt nhỏ, cắt tóc ngắn, mặt không phấn chỉ thoa một chút son màu san hô nhạt, cùng màu với chiếc sơ mi, chiếc quần jeans đen sát vào người, cô hơi gầy. Cả người cô toát ra vẻ vừa thông minh vừa bướng bỉnh. Bà tự hỏi. “Cái vẻ nào của người con gái này đã quyến rũ chồng mình?” Bà hỏi lại với giọng hơi ngập ngừng.

“ Cô không bao giờ có ý định kéo anh Minh ra khỏi gia đình của anh ấy thì tại sao cô đi lại với anh ấy cả hai năm nay, có điều gì bảo đảm là cô sẽ không lấy anh ấy một ngày gần đây?”

Cô điềm đạm:

“Thưa bà đã hai năm nay, từ khi anh Minh có liên hệ với tôi, ngày nào anh Minh cũng có mặt ở nhà một bữa ăn. Hôm thì về ăn trưa, hôm thì ăn cơm chiều. Buổi tối, anh Minh ngủ ở nhà, lương đem về không thiếu một đồng. Như thế không chứng tỏ được là tôi sẽ chẳng bao giờ muốn chiếm đoạt anh ấy của bà hay sao?”

Người đàn bà ngẩn ra vài giây trước lý luận lạ lùng của cô. Bà ta chưa biết phải nói gì thì cô đã tiếp, cô nói như cô đang tâm sự với một người bạn thân hay có thể cô đang viết một trang tiểu thuyết thì cũng thế.

“ Xin bà cứ an tâm. Anh Minh kết bạn với tôi là một sự an toàn cho hạnh phúc gia đình của bà. Thú thực với bà, tôi đã hơn 30 tuổi. Nhưng không

bao giờ tôi có tư tưởng muốn lệ thuộc, hay muốn làm sở hữu chủ nguyên một người đàn ông. Tôi xin lỗi bà khi phải nói điều này. Tôi không hiểu được tại sao phần đông những người đàn bà trên mặt đất này lại có thể đặt mình lệ thuộc vào một người đàn ông nguyên một ngày, rồi những ngày đó kéo ra cả suốt đời mình. Hay có người đàn bà muốn làm chủ một người đàn ông như làm chủ một ngôi nhà, một cái thuyền, một chiếc xe. Rồi khi không ưng ý cũng không làm sao mà đem cầm, đem bán đi được như cái xe, như ngôi nhà. Đành đợi đến ngày họ chết mới đem chôn xuống đất.

Tôi chỉ có thể ăn một bữa trưa với anh Minh, hoặc một bữa chiều, gặp mặt vài tiếng trong một

ngày. Nếu bây giờ anh Minh đòi hỏi tôi phải là của anh ấy 24 giờ trong một ngày, phải buộc vào một tờ văn tự như giấy chủ quyền động sản, hay bất động sản, thì chắc chắn là tôi sẽ chấm dứt sự liên hệ lập tức.

Bà không mất mát gì cả. Anh Minh là người đàn ông đào hoa, anh ấy không có tôi, anh ấy sẽ đi với người khác. Lúc đó bà mới nên lo ngại. Nếu tôi không có anh Minh, dĩ nhiên cũng rất nhiều người đàn ông khác muốn đến làm bạn với tôi. Vì họ biết tôi không bắt họ cưới hỏi, không lệ thuộc vào họ, cũng không muốn làm chủ họ, tôi không nhận quà tặng, khi đi ăn, đi chơi thì tôi cũng thay phiên trả tiền.

Người đàn bà ngất lờn cô bằng một cái khoát tay, trước khi nói.

“ Thế cô cho là cô chỉ gặp anh Minh có mấy tiếng một ngày, không phải là chiếm đoạt hay sao ?”

“Thưa bà, tôi xin hỏi lại. Trong một ngày của bà, bà nghĩ đến bà bao nhiêu tiếng? Bà nghĩ đến anh Minh bao nhiêu tiếng? Chúng ta, ai cũng có thể giới riêng của mình, và ai trong một lúc nào đó chắc cũng muốn người khác để cho mình được yên thân. Nhưng lúc bà không cần có anh Minh bên cạnh, thì việc anh ấy đi đâu và làm gì có quan trọng lắm không? Tôi biết bà đang nghĩ gì trong đầu. Chắc bà cho tôi là một người mất thăng bằng. Hay có thể là bà cho tôi đang tìm cách lừa bà, để một ngày nào đó tôi sẽ chiếm đoạt nguyên cả anh Minh.

Không, không bao giờ tôi cần nguyên một người đàn ông cả, tôi chỉ cần một nửa thôi. Có nhiều người phải uống nguyên một ly trà mới thấy vị ngon, phải ăn nguyên một trái táo mới hài lòng, phải đến được chân núi, hay trèo lên đỉnh núi để thưởng thức thì mới mãn nguyện, sông thì phải đi hết dòng mới thỏa chí, phải được lấy nguyên một ông chồng và được gọi là vợ thì mới cho là sung sướng. Tôi thì trà uống một ngụm, táo cắn một miếng, núi nhìn một góc, sông yêu một khúc, đàn ông hưởng một nửa. Suốt đời chỉ là người tình thì cũng đã thấy mình dư thừa hạnh phúc. Bà cứ an lòng ra về.

Người đàn bà kéo ghế đứng lên, bà thấy không cần phải nghe thêm nữa. Bà biết có nói gì cũng vô ích. Minh sẽ không bao giờ buông được người con gái đầy quyền rũ lạ lùng mà không ai phải chịu mang này. Và cô ta là người sống với những sản phẩm của tưởng tượng đó thì cũng sẽ chẳng bao giờ muốn thế chỗ của bà. Bà ra về. Họ không chào nhau. Nhưng người tình đứng nhìn theo cho đến lúc cái bóng của người vợ khuất ở một ngã rẽ.

Bà không an lòng chút nào như lời khuyên của cô. Bà vừa đi vừa nghĩ về những câu nói của tình địch, bà phân vân tự hỏi. Cô ta là nhà văn, cô làm việc cả ngày với chữ, là những tưởng tượng của riêng cô và của thiên hạ trộn chung vào với nhau. Những điều cô nói ra là mặt thật của đời sống, hay chỉ là một chương sách cô vừa đọc hoặc cô sắp viết? Nhưng thật hay không, đời sống hay tiểu thuyết. Những lời đó làm bà phải lưu ý. Gần hai chục năm nay tại sao bà lại để mình lệ thuộc vào nguyên một người đàn ông như thế? Nếu bà biết sớm suy nghĩ như cô ta, chỉ cần giữ một nửa thôi, thì cuộc sống sẽ thanh thản biết bao !

Cô đổi ý định ra ngoài ăn trưa, cô nhờ người tùy phái ra mua thức ăn đem về sở. Cô gác ống điếu thoải ra ngoài. Một nửa người đàn ông hôm nay cô cũng không thấy hấp dẫn nữa.

Sài Gòn và tuổi thơ tôi

Tôi xa quê hương ở vào tuổi không quá trẻ dại để dễ quên và cũng không quá già để chỉ dành toàn thời giờ cho một điều mất mát, rồi đau đớn. Tôi ở vào tuổi mà khi bước đến vùng đất mới, đời sống đã như lời tôi đi trong một cơn lốc trên những con đường khác nhau trước mặt, hầu như không ngưng nghỉ. Tôi chóng mặt, nhưng tôi vẫn biết tôi là ai và tôi ở đâu trên quê người, nên những lúc tôi phải ngưng lại để thở là những lúc hồn quê nôn nao thức dậy trong tôi.

Mỗi lần nhớ đến quê nhà là nhớ đến Sài Gòn trước tiên. Sài Gòn không phải là phần đất dành riêng cho người miền Nam nữa, đối với người miền Bắc di cư vào Nam năm 1954, người Trung chạy giặc Cộng năm 1968 thì Sài Gòn chính là phần đất quê nhà đáng nhớ nhất.

Tôi lớn lên, sống cả một thời niên thiếu ở Sài Gòn. Đi học, dậy thì, yêu đương, mơ mộng, làm việc, lấy chồng, khóc, cười rồi chia ly với Sài Gòn.

Tôi nhớ lại hồi bé theo bố mẹ di cư vào Sài Gòn. Ba tôi làm việc ở Nha Địa Chánh, nên từ những căn lều bạt trong trại tiếp cư Tân Sơn Nhất, gia đình tôi được dọn vào ở tạm một khu nhà ngang trong sở của Ba ở số 68 đường Paul Blancy(Hai Bà Trưng,) sau lưng Bưu Điện. Tôi đi học, đi bộ băng qua hai con đường là tới trường Hòa Bình, bên hông nhà thờ Đức Bà. Tôi vào lớp Ba. Ngày đầu tiên cấp sách đến lớp, ma sơ dĩ nhiên là người Nam , hồi đó còn mặc áo dòng trắng, đội lúp đen. Sơ đọc chính (chánh) tả:

Hoa hường phết (phết là dấu phẩy)

Cái tai của con bé con Bắc kỳ không quen với phát âm miền Nam nên “hoa hường” thành “qua tường” và phết thành một chữ nữa. tôi viết: *Qua tường phết*.

Bài chính tả dài một trang của tôi chắc chắn là ăn một con số 0 màu đỏ to tướng vì nguyên bài bị gạch xóa bằng mực đỏ lè. Tôi như một người ngoại quốc nghe tiếng Việt. Nhưng tôi học thuộc lòng trong sách thi giỏi và thuộc nhanh lắm. Khi khảo bài tôi được điểm tốt, mặc dù bạn học chung lớp khó hiểu con nhỏ Bắc kỳ đọc cái gì. Ma sơ cứ nhìn sách, nghe tôi đọc lâu lâu, biết là tôi có thuộc bài. Tôi nhớ một bài học thuộc lòng về thành phố Sài Gòn như thế này:

*Sài Gòn vòi nước bùng binh
Này bảng báo hiệu này vòng chỉ tên
Trụ đèn, giầy thép, tượng hình
Lính canh, cảnh sát giữ gìn công an
Mặc dầu đường rộng thênh thang
Ngựa xe đi lại luật hành phải thông
Mặc dầu đường rộng mệnh mông
Mũi tên chỉ rõ bảng trông để tìm
Trần Hưng, Lê Lợi, Chu Trinh...*

Trần Hưng là đường Trần Hưng Đạo, Chu Trinh là đường Phan Chu Trinh, viết tắt trong bài học thuộc lòng. Từ bài học đó, tôi hiểu được hai chữ “bùng binh” là gì.

Ngôi trường đó tôi chỉ học hết lớp ba, sau đó Ba Mẹ tôi tìm được nhà ở bên Thị Nghè, tôi được đi học lớp nhì, lớp nhất ở trường Thạnh Mỹ Tây, có rất nhiều bạn cũng Bắc kỳ di cư như tôi.

Kỷ niệm về Sài Gòn tôi nhớ nhất là lần đầu tiên con bé Bắc kỳ tròn xoe mắt, nhìn thấy đồng bạc xé làm hai, nếu chỉ muốn tiêu một nửa. Mua cái bánh, gói kẹo nào cũng chỉ xé hai đồng bạc. Xé rất tự nhiên, tiền mới hay tiền cũ gì cũng xé. Người mua xé, mua; người bán xé để trả (thối) lại. Tôi đã biết bao lần, vào những buổi tối mùa hè, mẹ cho một đồng, hai chị em mua

ngô (bắp) nướng của người đàn bà, ngồi dưới chân cột đèn điện trước cửa sở Địa Chánh với cái lò than nhỏ xíu, bán bắp nướng quệt hành mỡ. Dưới ánh sáng hắt lờ mờ của bóng đèn từ trên cao xuống, cái lò than nhỏ xíu, thơm lừng mùi bắp non. Gọi là lò, thực sự chỉ có mấy cục than hồng để trong một miếng sắt cong cong, bên trên có cái vỉ bằng giầy thép, rồi tung, những cái bắp được xếp lên đó, bà bán hàng trở qua, lật lại. Đôi khi cũng là một cái lò gạch nhỏ đã vỡ, mẻ mất mấy miếng rồi, không thể kê nổi trên đó, bà hàng mang ra để nướng bắp. Hai chị em đứng líu ríu vào nhau (anh và chị lớn không có tham dự vào những sinh hoạt của hai đứa em nhỏ này), cầm tờ giấy bạc một đồng, đưa ra. Tôi luôn luôn ngần ngại không dám xé, đưa cho bà bán hàng; bà cầm lấy, xé toạc làm hai, khi tôi chỉ mua một cái bắp. Bà đưa phần nửa tiền còn lại để chúng tôi có thể cất đi, tối mai lại ra mua bắp nữa. Mỗi lần thấy đồng bạc bị xé, tuy không phát ra tiếng động, tôi cũng giật mình đánh thót một cái như nghe thấy đồng bạc của mình bị bẻ hay bị gãy. Cảm tưởng như mất luôn cả phần tiền đưa ra và phần giữ lại. Phải mất bao nhiêu lần nhìn đồng tiền bị xé mới quen mắt cái hình ảnh “Đồng bạc xé hai” này và tin là nửa kia vẫn dùng mua bán được.

Bẻ cái bắp làm đôi, tôi với em tôi chia nhau. Ngon ọi là ngon! Bắp dẻo, thơm mùi lửa than, thơm mùi hành mỡ. Chị em tôi ăn dè xén từng hạt bắp một. Ăn xong chúng tôi dắt nhau đi tìm ve sầu ở những thân cây me trong bóng tối. Buổi tối ve sầu mùa hạ, chui ở đất lên, bò lên các thân me, lột xác. Chúng tôi bắt những con chưa kịp lột cho vào cái hộp (không) bánh bích quy đã mang theo sẵn, đó là những con ve mới ngợ ngác bò lên khỏi mặt đất, mang về nhà. Thuở thơ dại những trò chơi này là cả một thế giới thơ mộng và đầy hấp dẫn. Chị em tôi mang hộp ve sầu vào giường ngủ, ban đêm những con ve này sẽ chui ra bò lên màn, lột xác. Đêm chúng tôi đi vào giấc ngủ, thì ve chui ra, lột xác xong bỏ lại những vệt dài nhựa thâm đen trên những cánh màn tuyền trắng toát. Khi chúng tôi thức dậy nhìn thấy, chưa kịp dụi mắt tìm mấy con ve, đã thấy mẹ đứng ở ngoài màn với cái chổi phát trần trên tay. Chúng tôi chưa bị roi nào thì đã có bố đứng bên, gỡ cái chổi ở tay mẹ mang đi, trong lúc những cái lông gà trên chổi còn đang ngợ ngác.

Sài Gòn còn cho tuổi thơ của chúng tôi biết thế nào là cái ngọt ngào, thơm, mát của nước đá nhận. Trong sân trường tiểu học của trường Thạnh Mỹ Tây, tôi được ăn cái đá nhận đầy màu sắc đầu tiên. Một khối nước đá nhỏ, đặt trên một lưới dao bào, bào vào cái ly bên dưới, khi đầy ly, ông bán hàng ấn (nhận) nước đá ép xuống, đổ ngược ly lại, lấy cái khối nước đá xôm xốp, có hình dáng cái ly ra. Rắc si-rô xanh đỏ, có khi còn có màu vàng và màu xanh lá cây với vị bạc hà nữa. Gọi là nước đá nhận. Học trò trẻ con, bạn thân, sung sướng chia nhau ở sân trường, mỗi đứa mút một cái, chuyền tay nhau. Nước đá nhận, bánh kẹo ở sân trường trong những giờ ra chơi đều được mua bằng đồng bạc xé hai này.

Ba tôi bảo cầm đồng tiền xé hai một cách tự nhiên như thế quả là một điều rất dung dị, xuề xòa, dễ dãi mà chỉ người miền Nam mới có được. Xé tiền mà như xé một tờ giấy gói hàng, giấy gói bánh, như xé một tờ báo. Mảnh xé ra có giá trị lúc đó, mảnh còn lại cũng vẫn còn giá trị sau này. Người Hà Nội cầm tờ giấy bạc rách, thì vuốt cho phẳng thẳng lại, có khi lấy hạt cơm dẻo miết lên chỗ rách cho dính vào nhau, rồi cẩn thận gấp lại trước khi cho vào túi. Một thời gian sau, tiền không xé nữa, được thay bằng đồng bạc 50 su bằng nhôm, hình tròn, một mặt có hình tổng thống Ngô Đình Diệm, mặt sau là hình khóm trúc. (Biểu hiệu cho: *Tiết Trục Tâm Hư*)

Cuộc di cư 1954 đó giúp cho người Việt hai miền Nam, Bắc hiểu nhau hơn. Người Bắc sống và lớn lên ở Sài Gòn ở thế hệ chúng tôi học được cái đơn sơ, chân phương của người miền Nam và ngược lại những bạn học người Nam của tôi cũng học được cách ý tứ, lễ phép (đôi khi đến cầu kỳ) của người miền Bắc. Tôi đã được nghe một người miền Nam nói: Sau 1975 thì chỉ có những người Bắc di cư 54 là đồng bào của người miền Nam mà thôi. Hóa ra những

người Bắc sau này ở ngoài cái bọc (đồng bào) của bà Âu Cơ hay sao? Nếu thật sự như thế thì thật đáng buồn!

Sài Gòn đầu thập niên sáu mươi vẫn còn có xe ngựa, đưa những bà mẹ đi chợ. Người xa ích lúc đó chưa biết sợ hãi trên những con đường còn mù sương buổi sáng. Tiếng lóc cóc của móng ngựa chạm xuống mặt đường như đánh thức một bình minh. Tôi nhớ có chỗ gọi là Bến Tắm Ngựa, mỗi lần đi qua, hồi lắm. Sau vài mươi năm xe thổ mộ ở Sài Gòn không còn nữa, chỉ còn ở lục tỉnh.

Sài Gòn với xích lô đạp, xích lô máy, taxi, vespa, lambreta, velo, mobilette là những phương tiện di chuyển mang theo đầy nỗi nhớ. Kỷ niệm thơ mộng của một thời trẻ dại, hương hoa và nước mắt. Sài Gòn với những cơn mưa ập xuống thành linh vào tháng năm tháng sáu, tiếng mưa khua vang trên những mái tôn, tắm đấm những hàng me già, ướt sũng những lối đi vào ngõ nhà ai, Sài Gòn với mùa hè đỏ rực hoa phượng vĩ in xuống vạt áo học trò, với những hoa nắng loang loang trên vai áo bà ba của những bà mẹ là những mảng ký ức ngọt ngào trong tâm của chúng tôi.

Mỗi tuổi đời của tôi đi qua như những hạt nắng vàng rắc xuống trên những hàng me bên đường, như mưa đầu mùa rụng xuống trên những chùm hoa bông giầy. Những tên đường quen thuộc, mỗi con phố đều nhắc nhở một kỷ niệm với người thân, với bạn bè. Chỉ cần cái tên phố gọi lên ta đã thấy ngay một hình ảnh đi cùng với nó, thấy một khuôn mặt, nghe được tiếng cười, hay một mẩu chuyện rất cũ, kể lại đã nhiều lần vẫn mới. Ngay cả vệ đường, chỉ một cái bước hụt cũng nhắc ta nhớ đến một bàn tay đã đưa ra cho ta niu lại.

Âm thanh của những tiếng động hàng ngày, như tiếng chuông nhà thờ buổi sáng, tiếng xe rồ của một chiếc xích lô máy, tiếng rao của người bán hàng rong, tiếng chuông leng keng của người bán cà rem, tiếng gọi nhau ới ới trong những con hẻm, tiếng mua bán xôn xao khi đi qua cửa chợ, về im ắng thơ mộng của một con đường vắng sau cơn mưa... Làm lên một Sài Gòn bình bình trong nỗi nhớ.

Sài Gòn mỗi tháng, mỗi năm, dần dần đổi khác. Chúng tôi lớn lên, đi qua thời kỳ tiểu học, vào trung học thì chiến tranh bắt đầu thấp thoáng sau cánh cửa nhà trường. Đã có những bạn trai thi rớt Tú Tài phải nhập ngũ. Những giọt nước mắt đã rơi xuống sân trường. Sau đó, với ngày biểu tình, với đêm giới nghiêm, với vòng kẽm gai, với hỏa châu vụt bay lên, vụt rơi xuống, tất nhanh, như tương lai của cả một thế hệ lớn lên giữa chiến tranh.

Sài Gòn như một người tình đầu đời, để cho ta bất cứ ở tuổi nào, bất cứ đi về đâu, khi ngồi nhớ lại, vẫn hiện ra như một vệt son còn chói đỏ. Sài Gòn như một mảnh trầm còn nguyên vẹn hương thơm, như một vết thương trên ngực chưa lành, đang chờ một nụ hôn dịu dàng đặt xuống.

Sài Gòn khi đổi chủ chẳng khác nào như một bức tranh bị lật ngược, muốn xem cứ phải cong người, uốn cổ ngược với thân, nên không còn đoán ra được hình ảnh trung thực nguyên thủy của bức tranh.

Sài Gòn bây giờ trở lại, thấy mình trở thành một du khách trên một xứ sở hoàn toàn lạ lẫm. Tôi thương Sài Gòn và thương cho chính mình, đã hư hao một chốn để về.

Xuân Nhâm Thìn / 2012
Mưa như thấm đất

Mùa hè năm 1954 tôi mới được 10 tuổi. Tôi chưa học hết tiểu học. (Vì gia đình tôi hồi cư về Hà Nội trẻ.) Hai bàn chân bé của tôi được tham dự vào “Cuộc bỏ phiếu bằng chân” của một triệu người miền Bắc di cư vào Nam.

Lúc đó ba tôi đang làm việc cho Sở Địa Chánh, Hải Phòng (Ba tôi từ Hà Nội thuyền chuyển xuống làm việc ở đây đã được gần 4 năm).

Sau những năm loạn lạc từ Hà Nội về Thanh Hóa, Thái Bình, Nam Định rồi hồi cư muộn màng về Hà Nội (vì sợ Pháp bắt lại dọc đường), cha mẹ tôi chắc chắn không còn chọn lựa nào khác ngoài việc vào Nam để tránh Cộng Sản. Phải bỏ nhà mà đi thôi.

Gia đình tôi bắt đầu bán dần đồ đạc trong nhà. Từ cái to lớn như cái giường ngủ Hồng Kông của ba mẹ, cao lêu khêu có bốn cái cột đồng để giăng màn, cái sập gụ, tủ chè, cái bàn tròn gỗ mun mặt bằng đá, đôn sứ cho đến những cái nhỏ bé như chậu rửa mặt bằng đồng, bát đĩa, nồi xoong. Người đến mua, là những người ở lại, không tính vào Nam, nhân cơ hội này họ kiếm được chút tiền. Mua xong họ mang ra chợ trời bày la liệt ngoài đó bán lại, nên lúc nào cũng có người lạ ra vào nhà tôi tấp nập.

Nhà tôi ở ngay trước Vườn Hoa Con Cóc, nơi người ta mang những thứ mua đi, bán lại bày ra ở đó, nên buổi trưa, tôi có thể theo anh chị lớn ra xem chợ trời.

Chợ trời lúc đó hấp dẫn lắm. Không thiếu một thứ gì trong nhà mà không tìm thấy ở ngoài trời. Giường Hồng Kông, sập gụ, tủ chè, hoành phi câu đối, đôn sứ, tràng kỷ, quạt máy, đĩa hát, nồi niêu, bát đĩa và nhất là sách. Với tuổi của tôi, tôi chỉ nhớ là rất nhiều sách: Sách tiếng Pháp, Tự Điển, Sách học đủ các môn và Tiểu Thuyết của người lớn tuổi. Ít ra thì các anh chị Trung Học mới được chạm tay vào. Nơi này một tấm bạt, nơi kia một cái chiếu bày la liệt từ sáng đến tối. Người bán cũng hấp tấp, người mua cũng vội vàng.

Có người không buôn bán gì, nhưng tính ở lại, nên cũng ra đó xem có cái gì hay, cái gì rẻ thì mua về. Độ năm, ba ngày sau, nghe ai thúc giục, rủ đi Nam, lại mang những thứ vừa mua được cộng thêm những thứ ở nhà mình, xếp cả ra chợ trời.

Mẹ tôi mua về nhà những cái thùng gỗ, hồi đó là thùng sữa “Con Chim” đóng hành lý của cả nhà vào trong đó, mỗi người một cái. Chỉ mang quần áo và một ít phụ tùng cần thiết như đồ nấu bếp, thuốc men thôi. Còn tất cả, cái thì bán, cái cho họ hàng ở lại.

Mẹ con chúng tôi lên máy bay vào Nam trước. Ba tôi đi sau, vì phải ở lại đến phút chót bàn giao Sở cho chính phủ mới.

Gia đình chúng tôi tới Tân Sơn Nhất vào một buổi chiều (trong ký ức của tôi) cuối tháng 8 năm 1954. *Phi cảng Tân Sơn Nhất đông nghẹt; tính trung bình mỗi 6 phút một là một máy bay hạ cánh và mỗi ngày có từ 2000 đến 4200 người di cư tới. Tổng kết là 4280 lượt hạ cánh, đưa vào 213.635 người.* (Wikipedia)

Thử tưởng tượng ngàn ấy con người với hành lý trút xuống sân bay, sau đó được phân tán, trú ngụ tạm mấy ngày trong những lều vải, trước khi tìm được nơi chốn cư trú lâu dài.

Cha mẹ, vợ chồng, con cái chen chúc trong đám đông đó. Thất lạc nhưng rồi cũng tìm ra nhau.

Hành lý cá nhân mới là một chuyện khó lòng kiểm soát. Có người di tản với gánh nặng ngàn cân trong lòng nhưng hành trang nhẹ hẫng, chỉ là một cái túi vải trên vai. Có người đem theo tối đa những gì họ có thể đem được. Trên một khoảng đất rộng mấy trăm thước vuông: va-li, thùng giấy, thùng gỗ, bao tải, túi vải, đủ các cỡ lớn, nhỏ, vuông, tròn, dài, ngắn, được tháo dỡ xuống. Mọi người tự tìm hành lý của mình. Tôi và em tôi còn nhỏ, mọi việc đều do mẹ tôi và anh chị lớn hơn lo.

Mẹ tôi tìm mãi vẫn thấy thiếu bốn cái thùng sửa đựng quần áo của chúng tôi. Đi tới đi lui cả ngày xem ai có lấy nhầm sẽ đem trả. Đến tối cả nhà lại kéo nhau ra bãi thả đồ đạc để tìm mấy cái thùng sửa của nhà mình. Vẫn chẳng thấy cái nào cả chỉ có mấy cái bao vải bố, loại bao đựng 1 tạ gạo nằm chờ vợ còn lại. Mẹ tôi bảo:

- Thử xem trong này có gì mà người ta không lấy, lại lấy cái thùng của mình.

Cả nhà xúm lại, mở ra, bên trong toàn là sách cũ. Cả ba cái bao to tướng chất đầy sách. Cái bao đầu tiên mẹ tôi lôi ra được cuốn Tam Quốc Chí, mẹ nói:

- Mang về lều đọc, họ lấy quần áo của mình, vứt lại ba cái bao này, không ai nhận thì mình nhận vậy.

Thế là ba bao sách to bằng ba bao gạo được cả nhà hì hục kéo về lều. Sáng hôm sau mẹ tôi lên Phòng Điều Hành báo cáo về bốn thùng quần áo thất lạc và ba bao sách kéo về lều. Cho đến khi gia đình chúng tôi xuất trại, bốn thùng quần áo vẫn ở trong tình trạng mất luôn và ba bao tải sách vẫn vô thừa nhận.

Từ đó ba bao tải sách di tản cùng chúng tôi qua những ngôi nhà: ở tạm, ở nhờ, ở thuê. Từ trung tâm thành phố đến ngoại ô. Ba bao sách đương nhiên được coi như hành lý cần thiết được mang vác theo. Hữu ích lắm, cả năm sau, người lớn, trẻ con trong nhà cho đến cả chị giúp việc, cũng thấy được hưởng những cuốn sách đó. Có cuốn còn rất mới, nhưng có cuốn rất cũ, giấy ố vàng, mỏng mảnh, dễ rách. Như cha mẹ tôi thì tối tối đọc lại Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc, Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Gia Huấn Ca (Các cụ chắc biết mấy truyện này lâu rồi). Tôi thì sáng trưa chiều gì cũng có một cuốn cầm tay, quên cả ăn. Giữa những năm ở tuổi tóc chưa dài tới lưng, tôi đã đọc không biết bao nhiêu cuốn sách: Sách của Tự Lực Văn Đoàn, của Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Vũ Trọng Phụng; sách dịch như: Tâm Hồn Cao Thượng, Những Kẻ Khốn Cùng v.v.

Thơ Nguyễn Bính thì tôi thuộc nằm lòng không thiếu bài nào. Tôi thuộc cả tập Đồi Thông Hai Mộ nữa. (Một số sách vẫn được giữ lại cả mấy năm sau).

Cả ngày cứ ê a đọc: *Anh Đỉnh Lặng giờ đây đâu nhỉ/Anh của em yêu quý nhất đời. Rồi: Nhà nàng ở cạnh nhà tôi/Cách nhau cái giậu mồng tơ xanh rờn.*

Trong nhà có ai cần hỏi câu gì về chữ nghĩa thơ văn là có tôi “*hướng dẫn*” ngay.

Chị giúp việc nhà tôi thì mỗi lần nhóm bếp là xé ngay một quyển sách, không cần biết sách mới hay cũ, Tây, Tàu hay Việt gì cả. Có lần tôi xuống bếp gặp chị đang xé tập truyện ngắn mỏng của Thạch Lam, tôi hốt hoảng giật ra khỏi tay chị thì cuốn sách đã bị thần hỏa thiêu hết một nửa rồi, đành ngậm ngùi đưa trả lại chị, vì giữ cũng chẳng làm gì được nữa.

Mấy anh chị em tôi, chỉ có tôi là người mê sách, thích chạm tay vào chữ từ hồi còn rất bé, nên tôi được hưởng hết những lợi lộc từ ba cái bao gạo đựng sách di tản vào nhà tôi. Các anh chị,

chỉ cầm lên, bỏ xuống, hoặc họa hoàn lấm mới đọc một nửa quyển. Người thứ hai được lợi là chị giúp việc nhà, cứ vớ đại quyển nào mong mông để xé giấy làm mỗi nhóm bếp là chị xé. Chị còn kéo hẳn một bao vào trong bếp cho tiện tay.

Nhờ có ba bao tải sách đó mà tôi đã được thấm vào tâm hồn tuổi thơ của mình những tinh túy của văn chương sách vở. Nó thấm một cách tự nhiên, như mưa rơi xuống mặt đất và lúc đó bé quá tôi nào có biết mình được lợi lộc như vậy.

Những tinh tế trong văn chương của Nhất Linh, lãng mạn dịu dàng của Thạch Lam đến nỗi loạn của Vũ Trọng Phụng. Những cuốn sách mà những đứa trẻ ở tuổi tôi lúc đó không có cơ hội được đọc.

Tôi học được sự giáo dục về lòng nhân ái, tấm lòng cao cả của người nghèo và đạo đức trong *Tâm Hồn Cao Thượng*, do Hà Mai Anh dịch; chuyện người đàn ông ăn cắp một mẩu bánh mì cho cháu bị 19 năm tù, rồi bị theo dõi suốt một đời cho đến chết trong *Những Kẻ Khốn Cùng*, do Nguyễn Văn Vĩnh dịch.

Bâng khuâng, thương xót hay cảm động, hồi hộp, phân biệt giữa xấu và tốt, tôi cũng đều được hưởng từ tuổi thơ qua văn chương.

Tất cả lần lượt chất vào tâm hồn tôi như người ta xếp những món nữ trang quý giá vào một cái hộp bí mật, rồi cất đi. Tôi không hề biết tâm hồn tôi chính là cái hộp quý đó cho đến khi trưởng thành, được học, được thầy giáo dạy văn chương. Tôi mới biết là mình may mắn được đọc những áng văn chương đó trước tuổi.

Càng lớn tuổi tôi càng hiểu: văn chương là một phần đời sống của mình, không tách rời ra được. Sáu mươi năm rồi, mỗi lần nhớ lại những ngày đầu tản cư. Mỗi buổi trưa, đi học về, lục một cuốn sách trong cái bao tải đó, kiếm một chỗ vắng người ngồi đọc. Chao ôi là thích!

Những thế giới kỳ bí mở tung từng cánh cửa bằng giấy cho một cô bé lên 10.

Tôi cảm ơn biết bao, người nào đó đã để lại ba cái bao tải sách đó trên bãi hành lý của cả mấy trăm gia đình, mà chỉ có nhà tôi kéo về.

Mưa đã thấm xuống đất, đất mềm mại, đất hiền hòa và đất cho những hạt giống nảy mầm, sinh hoa kết trái.

1954-2014

Lối xưa xe ngựa

Mẹ tôi kể, cuối năm 1943, ảnh hưởng đảo chính Nhật, gia đình tôi phải tạm tản cư từ Hà Nội ra ngoài thành phố; lúc đó mẹ tôi đang có mang tôi sắp tới ngày sanh, mẹ được chở trên một chiếc xe bò có lót rơm, vào Hà Đông thì tôi được sanh ra trên xe bò, nên trong giấy khai sanh, nơi sanh là Hà Đông (đáng nhẽ tôi phải được đặt tên là Rơm mới đúng.)



Trong gia đình, các anh chị em tôi đều được đi xe tay, xe kéo, đến nhà thương (lúc đó chưa gọi là bệnh viện) ra đời ở Hà Nội, duy chỉ có mình tôi được sanh trên xe rơm do hai con bò chở. Như vậy xe bò là phương tiện di chuyển đầu tiên tôi được dùng. Về sau mẹ lại kể, vào năm 1946 vẫn loạn lạc, gia đình tôi chạy từ Hà Nội về Thái Bình; lúc đó, cô út mới 5 tháng, còn đỏ hỏn, tôi mới hai tuổi, mẹ tôi phải thuê người gánh tôi và cô út trong hai cái thúng. Còn anh chị tôi thì một người mẹ dất, một người bố dất. Phương tiện di chuyển thứ hai của tôi là được gánh bằng thúng.



Tôi lớn lên ở Hà Nội, Hải Phòng, trưởng thành ở Sài Gòn, những chiếc xe kế tiếp tôi được đi là: xe đạp, bus, xích lô đạp, taxi, xe đồ, xe lam, xe thổ mộ, xe gắn máy (chỉ ngồi sau lưng tài xế) và phà. Mỗi phương tiện di chuyển này đều để lại trong tôi một ký ức ngọt ngào. Thuở mới lên mười tập xe đạp với bạn, đầu gối, khuỷu tay lúc nào cũng rớm máu, sây sát vẫn hện hò tập nữa, chưa đi giỏi đã chở nhau, ngã lên ngã xuống. Chao ôi, là hạnh phúc!

Xe bus tôi đi ở thời gian trung học, lúc nào cũng bị dồn vào một góc xe, không nhìn thấy trạm xuống. Nhưng đi trên xe bus tôi học được nhiều điều qua những nét mặt của từng người. Nét mặt, nụ cười hồn nhiên của học trò, nét băn khoăn của giới công, tư chức, nét mệt mỏi của những người lao động. Tất cả chen chúc, hối hả lên, hối hả xuống. Tôi hay ngoái cổ nhìn theo những cái lưng vừa được thả xuống lề đường. Có cái lưng lấm tẩm, có cái lưng ướt đầm mồ hôi. Tôi cũng thích di chuyển bằng xích lô đạp lắm, thông thả và thoáng. Nắng quá có mui kéo lên, mưa có cánh gà thả xuống. Xích lô đạp không bí và ngọt ngào mùi xăng như taxi. Taxi ở Sài Gòn hồi đó là những chiếc xe nhỏ, cũ, của hãng *Renaul*, lúc nào cũng ngộp mùi xăng. Tôi nhớ lại, có lần các cô học trò mới lớn, ngồi nói chuyện “người chồng lý tưởng” với nhau. Mỗi người chọn một ông chồng tiêu chuẩn đẹp trai, con nhà gia giáo, hoặc “phải có danh gì với núi sông.” Tôi nói một cách hồn nhiên: “Tao xí ông xích lô đạp, để chở tao mỗi ngày.” Cả nhóm

bạn cười âm lên: “Nhỏ này ngu, cứ có tiền là có xích lô đi, việc gì phải lấy anh phu xe.” Sau thấy anh xích lô ở trong ngõ gần nhà, có hai vợ, anh đi làm về, uống rượu, và đánh cả hai bà vợ quá xá, tôi đâm hoảng, không dám tuyên bố đại dột nữa. Không đại dột mơ ông xích lô hay đánh vợ, nhưng khi trưởng thành đã đi làm, vẫn thích đi xích lô đạp. Nhà tôi ở Thị Nghè, văn phòng hãng thông tấn Associated Press ở lầu 4, trong khu thương xá Eden. Ông xích lô tháng của tôi ở Thủ Đức, sáng sáng ông lên đón tôi, thả tôi xuống Nguyễn Huệ, ông đi kiếm khách nguyên ngày, chiều về ghé đón. Có hôm tôi đi chơi với “bò” thì ông về xe không.



Xích lô máy tôi sợ lắm, đi thử một, hai lần rồi. Bay nón, bay tóc, bay áo, và có thể bay luôn cả linh hồn xuống đường.

Thuở bắt đầu có hện hò, đưa đón, thích nhất được ngồi sau *Vespa* hay xe *Honda* của các chàng. Ngồi mà không dám ngồi sát, hai chân về một phía, khi mặc *robe* còn phải hai chân để chồng lên nhau; nếu chưa thân lắm, phải giữ một khoảng cách với cái lưng đằng trước, không dám ngồi thật sát, nên có khi suýt ngã mỗi lần xe quẹo hay xe ngừng.

Những con đường Sài Gòn ngày đó không chen chúc quá đáng, có những đường đôi khi còn vắng bóng xe, thỉnh thoảng mới có xích lô đạp đi vào như đường Cường Để, Đồn Đất. Mọi người, mọi vật thông thả, đám mây trên cao cũng thông dong trôi.

Xe lam, thỉnh thoảng chờ taxi hay xích lô đạp mãi không được, cũng trèo lên xe lam. Xe lam không cần đến bến, không có bảng đậu như xe bus, miễn mình biết đường đó có xe lam chạy, cứ chờ xe đi qua, vẫy tay xe còn chỗ sẽ ngừng lại cho lên, muốn xuống, cứ ơ ơ kêu tốp tốp, là được thả xuống. Nhưng đi xe lam chẳng thấy nên thơ tí nào cả.

Xe thổ mộ thì tuyệt vời, không phải ở đâu cũng có. Sài Gòn không có xe thổ mộ đã lâu lắm rồi. Tôi nhớ chỉ một hai năm đầu vào Nam thấy xe thổ mộ đưa các bà đi chợ. Sau này mỗi lần từ Sài Gòn xuống Bình Dương, tôi được đi xe thổ mộ từ bến xe đò Bình Dương về nhà dì tôi ở đường Châu Văn Tiếp, quá miếu tử trận một chút. Tiếng vó ngựa gõ lóc cóc trên đường nghe hay lắm, lúc đó chẳng biết diễn tả thế nào, âm thanh khô và dứt khoát, xe đi dọc bờ sông Bình Dương (do sông Bé chảy qua tỉnh), đường xá rộng, xe ít, người thưa, gió từ sông thổi lên, chiếc xe lác nhẹ như đưa võng, thỉnh thoảng nghe tiếng roi của người xà ích quất nhẹ vào mông ngựa. Cái cảm giác cô gái tỉnh thành được về quê chơi, cái gì cũng thấy hay, cũng lạ tai, lạ mắt, cũng đẹp. Xe đưa về đến sát hàng rào nhà dì tôi, nhìn thấy cái giếng nước trong sân mới phải nhảy xuống. Thời niên thiếu quê nhà, chao ơi, làm sao tả!

Tôi cũng thích được đi qua phà. Một người bạn thân của anh tôi, hồi đó hay cho tôi qua phà Thủ Thiêm chơi. Những hôm trời mưa lâm râm qua phà trên sông Sài Gòn thấy mênh mông, buồn và đẹp làm sao! Mới lớn mà, anh hơn tôi đến bảy, tám tuổi. Chắc anh cũng còn nhớ mãi kỷ niệm những lần dắt tay một cô bé qua phà. Rồi những dịp hè, (trước 1963 đường sá còn yên ổn) chị em tôi được cha mẹ cho đi xuống tận Bạc Liêu, nơi cô chú tôi ở, phải qua hai cái bắc: bắc Mỹ Thuận và bắc Cần Thơ. Tôi yêu cái không khí nhộn nhịp, khi xe đò đậu lại, chờ sang phà. Tiếng rao của các hàng quà bánh, hình ảnh của những người bán hàng, khăn rằn

vắt vai, hay nón lá đội đầu; những thúng, những rổ đựng: ôi xá lị, ốc gạo, mía ghim, xoài, cóc, thơm v.v, sao mà đẹp thế! Sau năm 1963 cha mẹ chúng tôi không cho con đi xe đồ xa nữa, vì đường sá bất đầu bất an. Bây giờ, ngồi đây, nhớ lại cái cảnh đất nước thái hòa đó vẫn ứa nước mắt.

Nhưng chuyến về Việt Nam vừa qua, cho tôi một cái nhìn về giao thông hoàn toàn đổi khác. Trước tiên Sài Gòn là nơi dân quê cả ba miền tụ về kiếm sống. Càng đông người, càng nhiều việc, người tăng thì xe cộ tăng theo, gần như 90% gia đình có xe gắn máy, gia đình năm người, thì cũng phải cần đến ba cái xe gắn máy, để sáng ra đi làm, mỗi người về một hướng. Trước khi lên xe gắn máy, ai cũng cần có kính râm, khẩu trang, nón sắt, găng tay, nếu phụ nữ mặc áo ngắn tay thì găng lên đến cùi chỏ, em bé đi theo còn có một tấm voan trùm đầu che bụi. Người Sài Gòn gọi đó là “võ trang đến tận răng”. Dân số Sài Gòn hiện nay theo thống kê chính thức là 8.5 triệu, nhưng người ta cộng thêm số người chưa kiểm soát được có thể lên đến 10 triệu. Chỉ cần tưởng tượng hai phần ba số người đó, sáng sáng túa ra đường bằng những chiếc xe gắn máy. Tiếng nổ của xe, rung cả mặt trời vừa thức, khói từ những ống bô bay ra làm ô nhiễm đám mây đầu tiên vừa nhìn thấy, và con người phải đón nhận ngay tiếng động đó vào đầu, đám khói đó vào phổi như bắt đầu của một ngày dài.

Nếu đứng trên một sân thượng nhìn xuống đường phố, Sài Gòn và Hà Nội không khác nhau mấy, cái khác biệt chỉ là tỷ lệ ngắn, dài, rộng, hẹp, còn cả hai đều giống như từng con kinh khổng lồ chở theo nó một đám rác rất ngoạn mục. Những hình tròn của nón sắt nhìn từ trên cao xuống như những cái lá lục bình to đủ màu, nhưng càng xe như những khúc củi cong, bập bênh trôi, người xếp lợp như châu chấu, muốn chông lên nhau, chân tay ngo ngoạy, cả bốn hướng đâm sầm vào nhau. Trên cái khối sắt có hai càng đó, một con châu chấu ồm yếu chở năm con heo bó chặt trong rọ, hai con rọ ôm đàng trước, ba con rọ nằm đàng sau; hay châu chấu chở nguyên cái tủ lạnh nhỏ còn trong thùng, một tay cầm ghi, một tay ngược ra sau lưng đỡ; hoặc châu chấu chở một lúc bốn vòng hoa tang, xếp theo chiều dài của hai bên xe, không nhìn thấy thân mình đâu cả, chỉ thấy hoa tang lừng lững đi, như đi vào nghĩa trang; có khi châu chấu chở nguyên một gian hàng bán bát đĩa Bát Tràng, thúng trước, rọ sau, chẳng bao giờ rơi vỡ; châu chấu còn chở một cửa hiệu bán quần áo, với gọng, với móc che kín mít thân mình, chỉ thấy những miếng vải xanh đỏ, bay bay, lạ và đẹp lắm! Kinh hoàng hơn nữa, châu chấu bố, châu chấu mẹ, châu chấu con và ngay cả châu chấu sơ sinh, tổng cộng năm mạng chở nhau trên cái khung sắt đó, mẹ châu chấu bình thản cho con bú trong khi cái khung sắt cứ nhúc nhích. Giữa cái con kinh chở đám rác bập bênh đó, chợt xuất hiện một cái xe hơi, cái xe của ai nhỉ? Xe hiệu Ferrari hay Lamborghini (giá trung bình từ 198 ngàn đến 320 ngàn Mỹ kim; nhập vào Việt Nam đánh thuế gấp ba lần). Cái xe hơi hào nhoáng đó thản nhiên nhúc nhích quay đầu quẹo chữ U giữa dòng xe gắn máy. Bỗng tắt tả ở đâu đến một bà áo cánh vá, quần đen ống thấp, ống cao, hai bàn chân nứt nẻ trong đôi dép nhựa bản thiu, gánh một đôi quang mỗi bên vài bó rau, hai, ba nải chuối, mấy củ hành, bà cũng thản nhiên đứng nhúc nhích cản trước chiếc xe hơi, bà muốn qua đường. Bà đâu có biết xe của ai, mang nhãn hiệu gì, bao nhiêu tiền? Cản trở của xe tải hay xe hơi hào nhoáng đối với bà cũng như nhau, bà chỉ cần băng qua bên kia đường bán mấy nải chuối, hình như có một người đang gọi mua.

Băng qua đường là cả một nghệ thuật, du khách không có kinh nghiệm, không dám sang đường một mình. Phần nhiều ở ngã tư không có đèn xanh, đèn đỏ và nếu có chẳng thấy ai tuân theo luật giao thông. Xe không bao giờ ngưng lại cho người đi bộ. Người sang đường phải tự hiểu: bước xuống, băng sang, đi chậm, nhưng không rụt rè, cố nhìn vào mặt người lái cái xe như đang muốn tông vào mình, thực sự, khi hai người nhìn thấy nhau, người lái xe sẽ nhường cho mình bước thêm một bước, rồi nhích được một bước, khách bộ hành phải nhìn kế tiếp vào cái xe vừa chạy tới; cứ thế, vừa bước vài bước vừa nhìn. Không rụt rè, không chạy, và nhất là không được hốt hoảng chạy ngược lại lề đường.

Xe phun khói tự nhiên, nhúc nhích rất chậm, nhất là vào giờ “tan tầm” Bạn có nhìn thấy đàn tầm trong cái nong nhúc nhích bao giờ chưa? Nếu chưa, thì chịu khó về Hà Đông ở miền Bắc nhìn đi, cái con kinh xe cộ này, giống như cái nong tầm vậy: đông đúc, lúc nhúc và nhúc nhích

rất chậm. Nhưng những chiếc xe nhúc nhích rất chậm đó, thực sự nó đang chờ trên nó những con người tất bật lẫn xả vào xã hội, giành giật từng mảnh đời sống hàng ngày.

Đó là một bức tranh nhìn xuống từ một căn nhà bảy tầng, chiều ngang ba thước, chiều sâu sáu, bảy thước. Những ngôi nhà như thế này, rất nhiều ở Hà Nội và Sài Gòn, vì giá đất rất cao, được tính bằng vàng. Người Việt ở hải ngoại không cách nào hiểu được tại sao mỗi mét vuông đất giá đến năm sáu cây vàng. (Mỗi cây khoảng một ngàn Mỹ kim).

Vì xe luôn luôn kẹt cứng, nên không chạy nhanh được, không có tai nạn xe gắn máy khủng khiếp xảy ra trong thành phố giữa ban ngày, chỉ có sây sát, cọ xước. Tai nạn khủng khiếp chỉ xảy ra ở ngoài quốc lộ, đường đi xuyên tỉnh, nơi tài xế có thể chạy quá tốc độ. Ban đêm, khi mọi người đã đi ngủ, xe gắn máy kiểm cớm ban ngày đã được cất vào nhà, hoặc khóa lại, nằm trên lề đường, trước các khách sạn, là lúc các con ông lớn, các con đại gia mang xe gắn máy “hàng xịn” ra đua. Lúc đó tai nạn sẽ xảy ra, sống chết chỉ là trò chơi tìm cảm giác mạnh của các quý tử.

Sài Gòn hay Hà Nội bây giờ không còn ai nói đến chữ “thong thả” nữa. Cái tất bật của họ khác với cái tất bật của Âu, Mỹ. Người Âu, Mỹ chọn cái tất bật, trong khi họ có thể chậm lại. Người Việt bây giờ bị cuốn vào tất bật, không ra được nữa rồi. Chậm lại có nghĩa là thất bại, là bỏ cuộc.

Nhưng những chiếc xe trong thành phố vẫn nhúc nhích rất chậm, chờ trên nó một đàn châu chấu ủa ra từ một cánh đồng vô tận, vết chân của nó cào xuống mặt đường, sẽ để lại những dấu tích vào những trang ký sử sau này.